

## LỜI GIỚI THIỆU

Hầu hết các nhà phân tích khi đưa ra dự báo về triển vọng kinh tế thế giới đều có chung nhận định rằng tỷ lệ tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ giảm hơn nữa trong năm 2012. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tỷ lệ này chỉ đạt 2,5%. Cả WB và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đều cảnh báo kinh tế toàn cầu có thể đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong năm tới, chủ yếu do tác động của bóng đen suy thoái tại các nền kinh tế phát triển, cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực châu Âu đang tác động ngược lại toàn cầu khiến nhiều nhà đầu tư quan ngại khả năng sụp đổ của khu vực sử dụng đồng Euro (Eurozone), các biện pháp chính sách chưa hoàn thiện có thể khiến tình hình xấu hơn.

Theo dự báo của IMF, mặc dù kinh tế toàn cầu năm 2012 vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng bên cạnh đó cũng có không ít điểm sáng. Trong khi châu Âu vẫn sẽ đối mặt với bất ổn kinh tế và tài chính kéo dài, triển vọng kinh tế Hoa Kỳ không mấy sáng sủa, thì khu vực châu Á vẫn tăng trưởng ở mức cao.

Mặc dù tình hình kinh tế toàn cầu sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng theo như dự báo của tổ chức nghiên cứu và phát triển (NC&PT) độc lập lớn nhất thế giới, Viện Battelle Memorial, và Tạp chí NC&PT (R&D Magazine), đầu tư cho NC&PT toàn cầu dự báo sẽ vẫn tiếp tục tăng, ở mức 5,2% để đạt 1400 tỷ USD năm 2012, với tốc độ tăng mạnh ở các nền kinh tế châu Á (tăng 9%) và tăng chậm ở châu Âu (3,5%) và Bắc Mỹ (2,8%).

Dựa trên các báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu của WB và Toàn cảnh Kinh tế Thế giới của IMF, Cục Thông tin KH&CN quốc gia biên soạn Tổng quan "**THẾ GIỚI 2012: TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ ĐẦU TƯ CHO NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN**" nhằm giới thiệu khái quát về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu, của một số nước và khu vực trong năm 2011. Phần hai của tài liệu đưa ra các dự báo về triển vọng đầu tư cho NC&PT toàn cầu trong năm 2012, tập trung vào đầu tư cho NC&PT của một số nước nổi trội và một số lĩnh vực công nghệ then chốt.

Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

**CỤC THÔNG TIN KH&CN QUỐC GIA**



## **I. TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU**

### **1.1. Triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2012-2013**

Nếu coi năm 2010 là năm thành công ngoài mong đợi của kinh tế thế giới với mức tăng trưởng GDP gần 5%, thì năm 2011 là năm thất bại và các định chế tài chính thế giới hạ dự báo tăng trưởng năm 2011 xuống dưới 3%. Năm 2011 khép lại nhưng tốc độ phục hồi của nhiều nền kinh tế phát triển vẫn chậm; cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực châu Âu đang tác động ngược lại toàn cầu khiến nhiều nhà đầu tư quan ngại khả năng sụp đổ của Eurozone.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế hàng đầu thế giới, kinh tế toàn cầu năm 2012 vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng bên cạnh đó cũng có không ít điểm sáng. Nhiều chuyên gia nhận định, triển vọng kinh tế năm 2012 về nhiều mặt sẽ giống năm 2011. Nửa đầu năm tăng trưởng sẽ thấp hơn dự kiến, nỗi lo sợ suy thoái vẫn là chủ đạo nếu tình hình châu Âu tiếp tục xấu đi, nhưng tới giữa năm hoặc cuối mùa hè, các số liệu sẽ tích cực hơn một chút.

Tình hình khối đồng tiền chung châu Âu sẽ là mối đe dọa lớn nhất đến kinh tế thế giới, nó là sự kết hợp giữa nguy cơ suy thoái với khủng hoảng tài chính khu vực này. Trong trường hợp tồi tệ nhất, khủng hoảng tài chính toàn cầu có thể xảy ra như năm 2008.

Eurozone gần như chắc chắn sẽ rơi vào suy thoái trong năm 2012. Tuy mức độ sâu rộng của suy thoái chưa thể dự báo chính xác, song việc khan hiếm tín dụng, những khó khăn nợ công, tình trạng thiếu sức cạnh tranh và chính sách tài chính khắc khổ tại nhiều nước báo trước một sự suy giảm nghiêm trọng của kinh tế thế giới. Đó là chưa kể sự bất bình đẳng gia tăng đang châm ngòi cho các cuộc biểu tình khắp nơi trên thế giới, sự bất ổn xã hội và chính trị có thể trở thành một nguy cơ nữa cho hoạt động kinh tế. Trong khi đó, các cuộc chiến tiền tệ đang diễn ra trên một số mặt trận: can thiệp ngoại hối, nới lỏng định lượng (in thêm tiền) và kiểm soát các luồng vốn vào. Với việc tỷ lệ tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy yếu hơn trong năm 2012, những cuộc chiến này có thể leo thang thành các cuộc chiến tranh thương mại. Để duy trì tăng trưởng, các nước chi tiêu quá mức cần hạ giá đồng nội tệ để cải thiện cán cân thương mại, trong khi những nước thặng dư cần thúc đẩy nhu cầu nội địa, nhất là tiêu dùng.

Không chỉ khiến hệ thống ngân hàng và các thị trường tài chính toàn cầu trở nên căng thẳng, cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu và Hoa Kỳ còn đe dọa nhiều nền kinh tế khác trên thế giới. Không một nền kinh tế nào, dù là ở các nước có thu nhập thấp, các thị trường đang nổi, các nước có thu nhập trung bình hay các nền kinh tế siêu phát triển có thể “miễn dịch” trước cuộc khủng hoảng này.

Không nằm ngoài vòng xoáy, mức nợ công của nền kinh tế đầu tàu thế giới là Hoa Kỳ đã lên tới mức kỷ lục 15.000 tỷ USD, trong khi thâm hụt ngân sách của tài khóa kết thúc ngày 30/09/2011 lên tới 1.900 tỷ USD. Việc cơ quan đánh giá tín dụng quốc tế Standard & Poor's hạ bậc xếp hạng tín dụng của Hoa Kỳ từ AAA xuống còn AA+

kèm theo đánh giá triển vọng tiêu cực là một đòn mạnh giáng vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh ảm đạm hiện nay.

Khủng hoảng nợ công đã đẩy nhiều nước đến bờ vực phá sản, thậm chí đe dọa đẩy thế giới vào vòng xoáy của một cuộc suy thoái mới tồi tệ hơn và phải mất ít nhất 5-10 năm mới có thể phục hồi. Cuộc khủng hoảng nợ này, nói cách khác, là một cuộc khủng hoảng lòng tin về nợ nhà nước và củng cố hệ thống tài chính, dự báo sẽ tiếp diễn trong năm 2012.

Năm con Rồng cũng sẽ là một năm gắn với những biến động về chính trị, với các cuộc bầu cử Tổng thống ở Hoa Kỳ và Pháp, cùng với sự thay đổi lãnh đạo ở Trung Quốc. Vào mùa thu năm 2012, Đại hội toàn quốc lần thứ 18 của Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ bầu ra Ủy ban Trung ương mới và các thành viên của Ban Thường trực Bộ Chính trị. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào và Thủ tướng Ôn Gia Bảo sẽ rời nhiệm để dọn đường cho một thế hệ lãnh đạo kế tiếp, từ đó bầu ra Chủ tịch và Thủ tướng mới vào tháng 3/2013.

Hầu hết các nhà phân tích khi đưa ra dự báo về triển vọng kinh tế thế giới đều có chung nhận định rằng tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ giảm hơn nữa trong năm 2012. Cả Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đều cảnh báo kinh tế toàn cầu có thể đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong năm tới, chủ yếu do tác động của bóng đen suy thoái tại các nền kinh tế phát triển cùng sự bất ổn trong môi trường chính sách. Các nhà hoạch định kinh tế quan ngại các nước phát triển tiếp tục tăng trưởng ỉ ạch, nguy cơ sụp đổ của khu vực đồng Euro hiện hữu, môi trường phát triển kinh tế tồi tệ, các biện pháp chính sách chưa hoàn thiện có thể khiến tình hình xấu hơn.

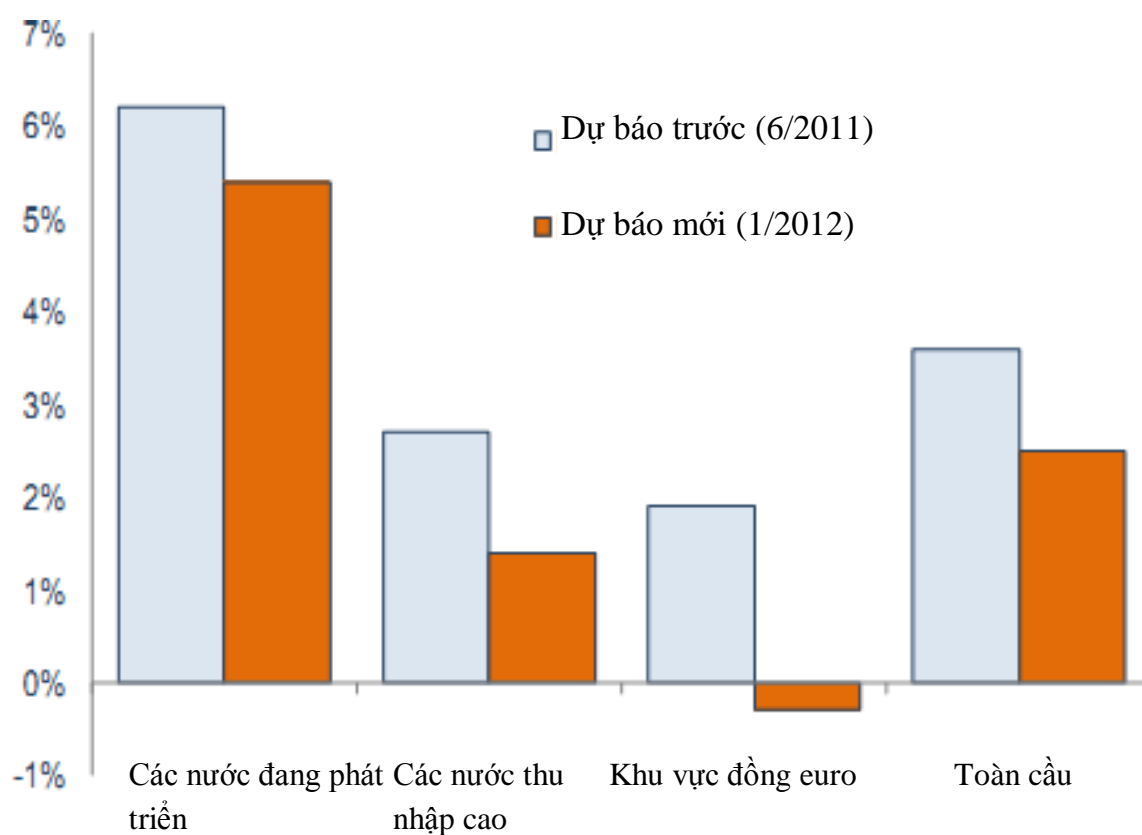
#### ***Dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB) về kinh tế thế giới năm 2012***

Ngân hàng Thế giới (WB) khẳng định suy thoái tại kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu sẽ khiến nền kinh tế nhóm nước mới nổi như Ấn Độ và Mêhicô chững lại. Định chế tài chính này dự báo kinh tế thế giới năm 2012 sẽ tăng trưởng 2,5%, thấp hơn so với dự báo 3,6% vào tháng 6/2011. WB dự báo kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu tăng trưởng âm 0,3% trong năm 2012, từ mức tăng trưởng 1,8% vào trước đó. Tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ được điều chỉnh giảm xuống 2,2% từ mức 2,9%. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc cũng giảm xuống 8,4% thay vì mức 8,7% trong lần dự báo giữa năm ngoái.

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu công bố tháng 1/2012, WB tuyên bố: "Ngay cả việc đạt được mục tiêu tăng trưởng như trên cũng không chắc chắn. Kinh tế châu Âu đi xuống, tăng trưởng kinh tế của nhóm nền kinh tế đang phát triển kém đi khiến thị trường dự báo nhiều hơn về kết quả tăng trưởng tồi tệ hơn". Andrew Burns, người đứng đầu lĩnh vực kinh tế vĩ mô tại WB cho rằng: "Các nước đang phát triển nên hy vọng trường hợp tốt nhất nhưng nên chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất. Sự leo thang của cuộc khủng hoảng sẽ không chừa bất cứ quốc gia nào. Tăng trưởng tại tất cả các nước thậm chí có thể giảm mạnh hơn những gì đã diễn ra trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 - 2009".

WB hối thúc chính phủ các nước đang phát triển chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất khi khủng hoảng châu Âu tiếp tục biến động xấu và chuyển thành cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu giống như năm 2008. Tháng 11/2011, sản xuất công nghiệp của khu vực đồng tiền chung châu Âu suy giảm tháng thứ 3 liên tiếp. Như vậy thêm dấu hiệu cho thấy kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu không thể tăng trưởng nổi trong quý 4/2011 bởi các nhà lãnh đạo cố gắng kiềm chế khủng hoảng tài khóa.

Như vậy, WB đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế mạnh tay nhất từ tháng 1/2009. WB dự báo kinh tế thế giới năm 2013 tăng trưởng 3,1%, thấp hơn 0,5% so với dự báo ban đầu. Nhóm nền kinh tế thu nhập cao có thể tăng trưởng 1,4% trong năm 2012, thấp hơn dự báo 2,7% vào tháng 6/2011. WB cũng hạ dự báo tăng trưởng năm 2012 của các nước đang phát triển xuống 5,4%, từ mức 6,2% hồi tháng 6/2011.



Hình 1: Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2012 của WB

Bảng 1: Tổng quát triển vọng kinh tế thế giới (tỷ lệ thay đổi % so với năm trước, trừ tỷ lệ lãi suất và giá dầu )

	2009	2010	2011e	2012f	2013f
<i>Các điều kiện toàn cầu</i>					
<b>Khối lượng thương mại thế giới</b>	-10,6	12,4	6,6	4,7	6,8
Giá tiêu dùng					
Các nước G-7 <sup>1</sup>	-0,2	1,2	2,2	1,6	1,7
Hoa Kỳ	-0,3	1,6	2,9	2,0	2,2
Giá hàng hóa (USD)					
Hàng hóa (trừ dầu mỏ)	-22,0	22,4	20,7	-9,3	-3,3
Giá dầu (USD/thùng)	61,8	79,0	104,2	98,2	97,1
Giá dầu (% thay đổi)	-36,3	28,0	31,6	-5,5	-1,2
Đơn vị giá trị xuất khẩu hàng chế tạo <sup>2</sup>	-6,6	3,3	8,9	-4,5	0,8
Tỷ lệ lãi suất					
USD, 6 tháng (%)	1,2	0,5	0,5	0,8	0,9
Euro, 6 tháng (%)	1,5	1,0	1,6	1,1	1,3
<i>Luồng vốn quốc tế đổ vào các nước đang phát triển (% GDP)</i>					
<b>Các nước đang phát triển</b>					
Luồng vốn ròng chính thức và tư nhân	4,2	5,8	4,5		
Luồng vốn ròng tư nhân (cổ phiếu+nợ)	3,7	5,4	4,3	3,3	3,7
Đông Á và Thái bình dương	3,7	6,0	4,7	3,4	3,7
Châu Âu và Trung Á	2,7	5,0	3,6	2,0	2,9
Mỹ Latinh và vùng Caribe	3,9	6,0	4,8	4,1	4,3
Trung Đông và Bắc Phi	2,8	2,4	2,0	1,2	1,6
Nam Á	4,6	5,0	3,9	3,3	3,7
Châu Phi cận Sahara	4,0	3,7	3,9	3,5	4,4
<i>Tăng trưởng GDP thực<sup>3</sup></i>					
<b>Thế giới</b>	<b>-2,3</b>	<b>4,1</b>	<b>2,7</b>	<b>2,5</b>	<b>3,1</b>
<i>Thế giới (PPP)<sup>4</sup></i>	-0,9	5,0	3,7	3,4	4,0
<b>Các nước thu nhập cao</b>	<b>-3,7</b>	<b>3,0</b>	<b>1,6</b>	<b>1,4</b>	<b>2,0</b>
Các nước OECD	-3,7	2,8	1,4	1,3	1,9
Khu vực đồng euro	-4,2	1,7	1,6	-0,3	1,1
Nhật Bản	-5,5	4,5	-0,9	1,9	1,6
Hoa Kỳ	-3,5	3,0	1,7	2,2	2,4
Các nước ngoài OECD	-1,5	7,2	4,5	3,2	4,1

<b>Các nước đang phát triển</b>	<b>2,0</b>	<b>7,3</b>	<b>6,0</b>	<b>5,4</b>	<b>6,0</b>
<i>Đông Á và Thái bình dương</i>	7,5	9,7	8,2	7,8	7,8
Trung Quốc	9,2	10,4	9,1	8,4	8,3
Indônêxia	4,6	6,1	6,4	6,2	6,5
Thái Lan	-2,3	7,8	2,0	4,2	4,9
<i>Châu Âu và Trung Á</i>	-6,5	5,2	5,3	3,2	4,0
Nga	-7,8	4,0	4,1	3,5	3,9
Thổ Nhĩ Kỳ	-4,8	9,0	8,2	2,9	4,2
Romania	-7,1	-1,3	2,2	1,5	3,0
<i>Mỹ Latinh và vùng Caribe</i>	-2,0	6,0	4,2	3,6	4,2
Braxin	-0,2	7,5	2,9	3,4	4,4
Mêhico	-6,1	5,5	4,0	3,2	3,7
Achentina	0,9	9,2	7,5	3,7	4,4
<i>Trung đông và Bắc Phi</i>	4,0	3,6	1,7	2,3	3,2
Ai-Cập	4,7	5,1	1,8	3,8	0,7
Iran	3,5	3,2	2,5	2,7	3,1
Algeria	2,4	1,8	3,0	2,7	2,9
<i>Nam Á</i>	6,1	9,1	6,6	5,8	7,1
Ấn Độ	9,1	8,7	6,5	6,5	7,7
Pakistan	3,6	4,1	2,4	3,9	4,2
Bangladesh	5,7	6,1	6,7	6,0	6,4
<i>Châu Phi cận Sahara</i>	2,0	4,8	4,9	5,3	5,6
Nam Phi	-1,8	2,8	3,2	3,1	3,7
Nigeria	7,0	7,9	7,0	7,1	7,4
Ăngôla	2,4	2,3	7,0	8,1	8,5
<b>Các nước đang phát triển</b>					
Không kể các nước đang chuyển tiếp	3,3	7,8	6,3	5,7	6,2
Trừ Trung Quốc và Ấn Độ	-1,7	5,5	4,4	3,8	4,5

Chú thích: (e): ước tính; (f): dự báo; PPP: Sức mua tương đương

1: Canada, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản, Anh và Hoa Kỳ

2: Chỉ số đơn vị giá trị xuất khẩu hàng chế tạo từ các nước chủ yếu được tính bằng đồng USD

3: Tỷ lệ tăng trưởng trung bình tính theo giá trị đồng USD năm 2005

4: Tính theo sức mua tương đương năm 2005

Nguồn: Triển vọng Kinh tế Thế giới, Ngân hàng Thế giới, 1/2012

### **Dự báo của IMF: Kinh tế toàn cầu sẽ âm ảm hơn trong năm 2012**

Trên website của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), nhà kinh tế trưởng của IMF Olivier Blanchard đã tổng kết rằng, nền kinh tế toàn cầu năm 2011 khi mới khởi điểm có vẻ bắt đầu phục hồi với nhiều hy vọng nhưng đến cuối năm thì lại vẫn trì trệ và có nguy

cơ suy thoái. Thậm chí, theo ông O. Blanchard, có thể tình hình kinh tế toàn cầu năm 2012 sẽ còn ảm đạm hơn cả năm 2008.

Giám đốc IMF Christine Lagarde cũng cảnh báo về một viễn cảnh kinh tế toàn cầu không mấy sáng sủa và không một nền kinh tế nào trên thế giới, dù là những nước đang phát triển hay là các nền kinh tế công nghiệp tiên tiến, có thể đứng ngoài vòng xoáy của khủng hoảng. Đây là một cuộc khủng hoảng đang lan rộng với những tác động ngày càng nghiêm trọng. Bà đặc biệt quan ngại về cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu, cho rằng tình trạng đình đốn kinh tế tại khu vực này và khủng hoảng tài chính mà châu Âu đang phải đối phó đã dẫn tới sự mất niềm tin ở quy mô quốc tế và châu Âu, có nguy cơ đẩy cỗ xe kinh tế toàn cầu vào vòng luẩn quẩn của suy thoái.

Ông O. Blanchard lưu ý rằng: “các biện pháp không hoàn thiện hoặc nửa vời có thể khiến tình hình tồi tệ thêm”. Ông cảnh báo “sẽ còn khó khăn hơn mới đưa được nền kinh tế toàn cầu phục hồi đúng hướng trong năm 2012”, bởi việc đó cần những chính sách táo bạo và mạnh mẽ, bao gồm kế hoạch củng cố quốc khố một cách đáng tin nhưng phải xuất phát từ thực tế, giúp các nước có khả năng thanh khoản. Bên cạnh đó, các nước phải thực thi những kế hoạch đã tuyên bố và hợp tác hiệu quả với các bên có liên quan.

Nhận định của ông O. Blanchard được đưa ra sau khi Tổng giám đốc IMF Christine Lagarde cho biết, IMF sẽ giảm dự báo tăng trưởng của kinh tế thế giới trong năm 2012 vì cuộc khủng hoảng nợ công đang “hoành hành” khu vực châu Âu. Bà Christine Lagarde cũng cảnh báo nền kinh tế thế giới đang trong tình thế nguy nan, đồng thời hối thúc châu Âu cùng đồng lòng chung sức giải quyết cuộc khủng hoảng nợ công tại châu lục, vốn đã và đang làm chao đảo hệ thống tài chính toàn cầu.

Trong báo cáo cập nhật Toàn cảnh Kinh tế Thế giới (WEO) ra ngày 24/01/2012, IMF đã hạ dự báo về tăng trưởng toàn cầu năm nay xuống 3,3%, thấp hơn mức 4% đưa ra trong tháng 9/2011. Tăng trưởng năm 2013 cũng được dự báo ở mức 3,9%, giảm từ mức 4,5% trước đó. Khu vực đồng tiền chung euro có thể bước vào suy thoái nhẹ trong năm 2012 khi tăng trưởng giảm 0,5%. Triển vọng kinh tế Hoa Kỳ không đổi, tăng trưởng 1,8%.

Trước đó, ngày 13/09/2011, IMF đã đưa ra một báo cáo mang tên Toàn cảnh Kinh tế Thế giới (WEO), trong đó dự báo tốc độ tăng trưởng của kinh tế toàn cầu sẽ tăng 4% cả trong năm 2011 và năm 2012 (con số này là 5,1% năm 2010). IMF cũng giảm mạnh dự báo tăng trưởng của Hoa Kỳ trong năm 2011 từ 2,5% (hồi tháng 6/2011) xuống còn 1,5%. Năm 2012, dự báo Hoa Kỳ chỉ tăng 1,8% chứ không phải 2,7% như ước tính trước đó. Bà C. Lagarde cho biết: “Tựu trung nền kinh tế toàn cầu vẫn tiếp tục tăng trưởng nhưng sẽ tăng chậm. Các nền kinh tế phát triển sẽ phải đối mặt với sự phục hồi yếu và khó khăn vì tình trạng thất nghiệp cao đến khó tin”. Vì lý do này, bà C. Lagarde đã thúc giục các nhà lãnh đạo toàn cầu cần có những “hành động tập thể và táo bạo” nhằm ngăn các nền kinh tế chủ chốt không rơi vào trạng thái đình trệ.



Cũng trong WEO, IMF còn kêu gọi các nhà lập pháp của Liên minh châu Âu (EU) nhanh chóng thực hiện các biện pháp đã đề xuất hồi tháng 7/2011 nhằm kìm hãm cơn khủng hoảng nợ công đang ngày càng lan rộng tại Eurozone. IMF khẳng định, các quốc gia thuộc Eurozone phải tôn trọng cam kết sẽ ban hành những cải tổ tài chính dài hạn. IMF kêu gọi các nhà hoạch định chính sách khu vực đồng euro tăng quy mô quỹ giải cứu khu vực và để Ngân hàng Trung ương châu Âu tiếp tục hỗ trợ khu vực để hạn chế lây lan sang các nước khác.

Trong khi đó, IMF đề nghị các quan chức của Hoa Kỳ không nên vì giảm thâm hụt ngân sách quốc gia mà cắt giảm chi tiêu công mạnh tay, bởi điều này sẽ làm phương hại đến tốc độ phục hồi kinh tế của nước này. Hiện Hoa Kỳ cũng đang phải vật lộn với những rủi ro ngày càng tăng do thị trường nhà ở suy yếu cũng như sự giảm sút niềm tin từ người tiêu dùng và các công ty. Còn với các nước đang phát triển, IMF hy vọng tốc độ tăng trưởng vẫn mạnh mẽ dù rủi ro kinh tế có thể vẫn cao.

Trong báo cáo cập nhật Toàn cảnh Kinh tế Thế giới (WEO) ra ngày 24/01/2012, IMF dự báo tăng trưởng tại các nền kinh tế đang phát triển trong năm nay ở 5,4%, giảm từ mức 6,1% trong dự báo tháng 9, phản ánh sự suy giảm trong môi trường ngoài, cũng như suy giảm nhu cầu trong nước tại các nền kinh tế mới nổi chủ chốt. Dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc, nền kinh tế thứ hai thế giới, giảm từ 9% xuống 8,2%. Ấn Độ được dự báo tăng trưởng 7% trong năm 2012, giảm 0,5 điểm % so với dự báo tháng 9. Dự báo cho Braxin giảm 0,6 điểm % xuống 3%. Các nước giàu có hơn sẽ tăng trưởng 1,2% trong năm nay, thay vì 1,9%. Nhật Bản có thể tăng trưởng 1,7%, thấp hơn dự báo 0,6 điểm % so với 4 tháng trước.

*Bảng 2: Dự báo tình hình hình kinh tế thế giới trong năm 2012 và 2013 của IMF*

	<i>Dự báo</i>			
	2010	2011	2012	2013
<b>Tăng trưởng kinh tế toàn cầu <sup>1</sup></b>	<b>5,2</b>	<b>3,8</b>	<b>3,3</b>	<b>3,9</b>
<b>Các nền kinh tế tiên tiến</b>	<b>3,2</b>	<b>1,6</b>	<b>1,2</b>	<b>1,9</b>
Hoa Kỳ	3,0	1,8	1,8	2,2
Khu vực đồng Euro	1,9	1,6	-0,5	0,8
Đức	3,6	3,0	0,3	1,5
Pháp	1,4	1,6	0,2	1,0
Italia	1,5	0,4	-2,2	-0,6
Tây Ban Nha	-0,1	0,7	-1,7	-0,3
Nhật Bản	4,4	-0,9	1,7	1,6
Anh	2,1	0,9	0,6	2,0
Canada	3,2	2,3	1,7	2,0
Các nền kinh tế tiên tiến khác <sup>2</sup>	5,8	3,3	2,6	3,4
Các nền kinh tế châu Á mới công nghiệp hóa	8,4	4,2	3,3	4,1

<b>Các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi<sup>3</sup></b>	<b>7,3</b>	<b>6,2</b>	<b>5,4</b>	<b>5,9</b>
Trung Âu và Đông Âu	4,5	5,1	1,1	2,4
Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS)	4,6	4,5	3,7	3,8
Nga	4,0	4,1	3,3	3,5
Trừ Nga	6,0	5,5	4,4	4,7
Châu Á đang phát triển	9,5	7,9	7,3	7,8
Trung Quốc	10,4	9,2	8,2	8,8
Ấn Độ	9,9	7,4	7,0	7,3
ASEAN-5 <sup>4</sup>	6,9	4,8	5,2	5,6
Mỹ La tinh và Caribê	6,1	4,6	3,6	3,9
Braxin	7,5	2,9	3,0	4,0
Mexicô	5,4	4,1	3,5	3,5
Trung Đông và Bắc phi (MENA) <sup>5</sup>	4,3	3,1	3,2	3,6
Cận Saharan Châu phi	5,3	4,9	5,5	5,3
Nam Phi	2,9	3,1	2,5	3,4
Liên minh châu Âu (EU)	2,0	1,6	-0,1	1,2
<b>Kim ngạch ngoại thương toàn cầu (hàng hóa và dịch vụ)</b>	<b>12,7</b>	<b>6,9</b>	<b>3,8</b>	<b>5,4</b>
Nhập khẩu				
Các nền kinh tế tiên tiến	11,5	4,8	2,0	3,9
Các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi	15,0	11,3	7,1	7,7
Xuất khẩu				
Các nền kinh tế tiên tiến	12,2	5,5	2,4	4,7
Các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi	13,8	9,0	6,1	7,0
<b>Giá hàng hóa (USD)</b>				
Dầu lửa <sup>6</sup>	27,9	31,9	-4,9	-3,6
Phi dầu lửa (trung bình dựa trên xuất khẩu hàng hóa thế giới)	26,3	17,7	-14,0	-1,7
<b>Giá cả tiêu dùng</b>				
Các nền kinh tế tiên tiến	1,6	2,7	1,6	1,3
Các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi	6,1	7,2	6,2	5,5

Nguồn: Overview of the World Economic Outlook Projections, IMF, 1/2012

1. Tính theo ngang giá sức mua hay sức mua tương đương (PPP).
2. Trừ các nước G7 và các nước thuộc khu vực đồng euro.
3. Nhận định và dự báo trong 80% các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển.
4. Ấn Độ, Malaixia, Philipin, Thái Lan và Việt Nam.
5. Không bao gồm Libi do bất ổn chính trị.
6. Giá trung bình tính bằng USD/thùng (năm 2011 là 104,23 USD/thùng), % thay đổi, tương đương với dự báo 99.09 USD/thùng năm 2012 và 95.55 USD/thùng năm 2013.

### ***Liên Hợp Quốc: Thế giới đang ở bên bờ vực suy thoái mới***

Kinh tế thế giới đang đứng trước bờ vực suy thoái mạnh và năm 2012 cũng như 2013 sẽ chứng kiến sự tăng trưởng yếu ớt của nền kinh tế toàn cầu. Liên hợp quốc đưa ra cảnh báo này trong báo cáo nhan đề "Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới năm 2012 (WESP), công bố ngày 17/01/2012. Báo cáo cho biết kinh tế toàn cầu chỉ đạt tốc độ tăng trưởng 2,6% trong năm 2012 và 3,2% trong năm 2013, so với 4% năm 2010. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này chỉ đạt được nếu châu Âu ngăn chặn thành công cuộc khủng hoảng nợ công và các nước phát triển ngừng áp dụng các biện pháp "thắt lưng buộc bụng".

Theo WESP, các nước phát triển có nguy cơ rơi vào vòng xoáy suy thoái vì các vấn đề như nợ công lớn, tài chính bấp bênh, cầu thấp và sự tê liệt về chính sách. Tất cả những vấn đề này đã hiện hữu và chỉ cần một yếu tố xấu đi cũng đủ gây ra sự hỗn loạn nghiêm trọng về tài chính và sự sụt giảm về tăng trưởng kinh tế.

Các nước đang phát triển và các nền kinh tế trong thời kỳ quá độ tiếp tục là động lực thúc đẩy kinh tế toàn cầu với tốc độ tăng trưởng trung bình 5,4% năm 2012 và 5,8% năm 2013, song thấp hơn nhiều so với tốc độ 7,1% năm 2010.

Trong số những nền kinh tế mới nổi, Trung Quốc và Ấn Độ được đánh giá sẽ tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng mạnh, nhưng sẽ giảm dần trong các năm 2012 và 2013. GDP của Trung Quốc giảm từ 10,3% năm 2010 xuống lần lượt 9,3% năm 2011 và xuống dưới 9% trong 2 năm tiếp theo. GDP của Ấn Độ được dự báo chỉ tăng trong khoảng 7,7-7,9% trong năm nay và năm tới, so với 8,5% năm 2010.

Các nước có thu nhập thấp đã trải qua thời kỳ suy giảm nhẹ tính về thu nhập theo đầu người, với mức tăng thu nhập giảm từ 3,8% năm 2010 xuống 3,5% năm 2011. Riêng các nước nghèo hơn và các nước kém phát triển nhất, tốc độ tăng thu nhập trung bình bằng hoặc cao hơn một chút trong năm 2012 và 2013.

Về vấn đề việc làm, Liên hiệp quốc ước tính thế giới thiếu 64 triệu việc làm trong năm 2011. Tỷ lệ thất nghiệp ở các nước phát triển trung bình lên đến 8,3% trong năm này, cao hơn nhiều so với 5,8% thời kỳ tiền khủng hoảng tài chính toàn cầu. Gần 1/3 trong số những người thất nghiệp, tương đương 15 triệu lao động, chịu cảnh "ăn không ngồi rồi" từ hơn một năm nay. Tình trạng này sẽ kéo dài, tác động bất lợi tới người lao động nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Ở những nước đang phát triển, mức tăng việc làm có phần mạnh hơn, trở lại mức tiền khủng hoảng hoặc dưới mức này ở hầu hết các nước châu Á. Tăng trưởng việc làm cũng đã phục hồi ở hầu hết các nước Mỹ Latinh. Tuy nhiên, các nước đang phát triển tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn do phần lớn những người vốn bán thất nghiệp và được trả lương thấp dễ mất việc làm và không được hưởng bất kỳ hình thức an sinh nào. Nếu các nước phát triển vẫn có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm như dự báo thì hết năm 2015, thế giới vẫn không thể trở lại với tỷ lệ người có việc làm thời kỳ tiền khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Trong báo cáo, Liên hiệp quốc cho rằng việc các nhà hoạch định chính sách, đặc biệt ở châu Âu và Hoa Kỳ, không giải quyết được vấn đề nợ công và không ổn định được khu vực tài chính sẽ tạo nguy cơ nghiêm trọng cho nền kinh tế toàn cầu trong năm 2012 và 2013. Vấn đề liên hệ chặt chẽ về kinh tế, những khó khăn ở một trong 2 nền kinh tế này có thể dễ dàng ảnh hưởng đến nền kinh tế kia và đẩy thế giới vào một cuộc suy thoái mới.

Liên hiệp quốc hối thúc các nước phát triển không áp dụng các biện pháp "thắt lưng buộc bụng" một cách vội vàng và kêu gọi thế giới tăng cường phối hợp các biện pháp kích thích kinh tế, tạo việc làm, đầu tư cho cơ sở hạ tầng, sử dụng năng lượng hiệu quả, đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định và an ninh lương thực.

### ***EIU: Tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2012 là 3,1%***

Trong dự báo tình hình kinh tế thế giới mới nhất, Đơn vị Tình báo Kinh tế kinh tế (EIU) của Tạp chí The Economist đã nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế trong năm 2012 của Hoa Kỳ, nhưng lại hạ mức dự báo đối với các nước đang phát triển do những lo ngại về những tác động của cuộc khủng hoảng nợ ở châu Âu. EIU dự báo tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2012 là 3,1%, nhưng cảnh báo tốc độ tăng trưởng này có thể giảm xuống mức 2%, mức được coi là suy giảm.

Tốc độ tăng trưởng trên chỉ đạt được nếu Eurozone không tan rã, song nguy cơ tan rã của Eurozone vẫn là một mối đe dọa thực sự và nếu điều này xảy ra, kinh tế toàn cầu sẽ rơi vào suy thoái nghiêm trọng hơn cả cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009. EIU cho rằng, nếu Eurozone không tồn tại, kinh tế thế giới sẽ rơi vào tình trạng suy giảm tồi tệ và tác động đa chiều lên cả nhóm các quốc gia đang phát triển.

Kinh tế Hoa Kỳ có khả năng sẽ ít bị tác động từ khủng hoảng nợ công châu Âu trong năm 2012. Theo công bố đánh giá về tình hình kinh tế thế giới năm 2012, EIU nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ lên 1,8%, cao hơn so với mức dự báo 1,3% trong lần đánh giá trước.

### ***Ngân hàng Pháp Natixis: châu Á đã trở thành đầu tàu kinh tế của thế giới***

Báo cáo mới đây của Ngân hàng Pháp Natixis khẳng định châu Á đã trở thành đầu tàu kinh tế của thế giới. Nhờ châu lục này mà tỷ lệ tăng trưởng toàn cầu không còn là con số âm. Châu Á cũng là khu vực đầu tiên thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế 2008-2009.

Nhà nghiên cứu Pháp Christophe Jaffrelot làm việc tại Viện Nghiên cứu Quốc tế CERi thuộc Trường Chính trị Kinh doanh Paris-Sciences Po, cho biết 6 trong số 25 nền kinh tế lớn nhất thế giới nằm ở khu vực châu Á và 6 nền kinh tế này chiếm tỷ trọng gần 1/4 GDP toàn cầu. Sáu nền kinh tế lớn mạnh nhất châu Á tạo ra lượng của cải tương đương Hoa Kỳ và xấp xỉ 27 nước thành viên Liên minh châu Âu cộng lại.

Theo một công trình nghiên cứu mang tên "Một thế giới không có châu Âu?" của Nhà xuất bản Fayard, nhóm các chuyên gia về luật, kinh tế, chiến lược và quốc phòng của Pháp đã đưa ra một số nét chính như chiến lược phát triển của các nền kinh tế châu

Á đang trỗi dậy đều dựa theo mô hình nhập khẩu nguyên nhiên liệu; tập trung phát triển hàng công nghiệp nhẹ, tận dụng nguồn nhân lực dồi dào và giá nhân công thấp; bảo vệ thị trường nội địa; ưu tiên cho xuất khẩu. Giai đoạn kế tiếp là mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài để thu hút kỹ thuật tiên tiến của các nước công nghiệp phát triển, qua đó nâng cấp sản xuất nội địa.

Báo cáo cho biết năm 1970, có 25% tổng kim ngạch xuất khẩu của châu Á là phục vụ khách hàng trong khu vực và tỷ lệ này đã tăng lên 51,6% trong 4 thập niên sau đó. Đây là dấu hiệu cho thấy đà hội nhập của khu vực châu Á, trải rộng từ Nhật Bản đến Pakistan. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xuất khẩu của châu Á chỉ tương đương 14% tổng trao đổi mậu dịch toàn cầu, nhưng đến năm 2009, tỷ lệ này đã nhân lên gấp đôi, chiếm tới 30%. Thành công trong lĩnh vực thương mại đã giúp nhiều nước châu Á trở thành trung tâm tài chính với hơn 50% dự trữ ngoại tệ thế giới thuộc về châu Á.

Nhiều công trình nghiên cứu của Ngân hàng Phát triển châu Á, Đại học Harvard và Yale,... cũng cho thấy "trọng tâm kinh tế thế giới đang chuyển về châu Á và có nhiều nhân tố cho phép châu Á trở thành đầu tàu kinh tế thế giới."

Theo số liệu của Bloomberg, 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới đang đối mặt với gần 7.600 tỷ USD trái phiếu đáo hạn trong năm 2012. Nhật Bản đứng đầu danh sách với 3.000 tỷ USD trái phiếu đáo hạn. Tiếp theo là Hoa Kỳ với khoảng 2.800 tỷ USD. Nếu tính cả các khoản lãi (hơn 690 tỷ USD), nhóm 10 nền kinh tế hàng đầu thế giới sẽ phải chi trả hơn 8.000 tỷ USD trong năm 2012.

Trong khi các khoản nợ khổng lồ đến hạn trả, chính phủ các nước kể trên phải đối diện với việc chi phí đi vay liên tục tăng nhanh, đặc biệt là Italia do khủng hoảng nợ công diễn biến xấu đi khiến nhà đầu tư mất niềm tin. Lãi suất trái phiếu kì hạn 10 năm của nền kinh tế lớn thứ 3 châu Âu này đã vượt ngưỡng an toàn là 7%. Ở tình trạng tương tự, Hy Lạp và Tây Ban Nha đã phải cầu viện gói cứu trợ quốc tế.

Riêng lãi suất trái phiếu 10 năm của Nhật Bản hiện vẫn duy trì mức bèn vững dưới 1%, thấp thứ hai thế giới, sau Thụy Sĩ, mặc dù khoản nợ của quốc gia này gấp gần 2 lần tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

Kết quả khảo sát của hãng tin tài chính và kinh doanh hàng đầu thế giới, Bloomberg, chỉ ra rằng, chi phí đi vay của các quốc gia nhóm G-7 có thể sẽ tăng 39% trong năm 2012. Trong khi đó, lợi tức trái phiếu 10 năm của Trung Quốc có thể ít thay đổi còn lợi tức trái phiếu kỳ hạn tương tự của Ấn Độ được kỳ vọng sẽ giảm từ 8,39% xuống còn 8,02%. Cuộc khảo sát không bao gồm 2 thị trường mới nổi là Nga và Braxin.

## **1.2. Triển vọng kinh tế toàn cầu theo khu vực**

### **1.2.1. Hoa Kỳ: Tốc độ phục hồi chậm**

Nhìn lại tình hình kinh tế Hoa Kỳ năm 2011 cho thấy tốc độ phục hồi chậm. Báo cáo của Bộ thương mại Hoa Kỳ cho biết tốc độ tăng trưởng GDP ba quý đầu năm 2011 lần lượt là 0,4%, 1,3% và 2,3%. GDP Quý 4/2011 dự kiến đạt mức tăng trưởng 3%. Như vậy, càng về cuối năm, kinh tế Hoa Kỳ càng có chuyển biến tốt hơn, nhưng cũng

chỉ nhích lên từng nấc một. WB dự đoán GDP của Hoa Kỳ năm 2012 có thể chỉ đạt 2% và năm 2013 là 2,2%. IMF dự đoán GDP của Hoa Kỳ năm 2012 có thể chỉ đạt 1,8% và năm 2013 là 2,2%.

Chỉ số lạm phát được kiềm chế đôi chút và duy trì ở mức trên 3%, tháng 11/2011 ở mức 3,4%, thấp hơn mức 3,9% trong tháng 9/2011. Để kiềm chế lạm phát, Ngân hàng Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) cho biết vẫn tiếp tục duy trì mức lãi suất ngân hàng từ 0% tới 0,25%.

Thất nghiệp luôn duy trì ở mức 9% trở thành một vấn đề nhức nhối của Hoa Kỳ. Tháng 9/2011, Tổng thống Obama công bố kế hoạch trị giá tới 447 tỷ USD để giải quyết nạn thất nghiệp và kích thích tiêu dùng, bao gồm giảm mức thuế thu nhập cá nhân và tăng đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng. Bộ Lao động Hoa Kỳ cho biết, tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 8,6%, mức thấp nhất kể từ tháng 3/2009 tới nay. Tuy nhiên đội quân thất nghiệp lâu dài không kiếm được việc làm vẫn duy trì ở mức 315.000 người.

Thị trường chứng khoán - chiếc hàn thử biểu phản ánh kinh tế cho thấy, tính tới ngày 21/12/2011 ba chỉ số lớn hầu như chỉ tăng nhẹ và không tăng trưởng.

Trợ lý phụ trách vấn đề tiền tệ quốc tế Bộ tài chính Hoa Kỳ Mark Sobel ngày 16/12/2011 nói rằng một nguyên nhân quan trọng níu kéo nền kinh tế Hoa Kỳ là khủng hoảng nợ công châu Âu. Hiện Hoa Kỳ nắm giữ khoảng 1.800 tỷ USD trái phiếu của các nước EU đang bị chìm trong khủng hoảng nợ công và nó làm tốc độ tăng trưởng GDP kinh tế Hoa Kỳ giảm 1%.

Trong nước, kinh tế Hoa Kỳ vẫn bị những căn bệnh nan giải đeo bám gây nhức nhối. Chính phủ liên bang công bố nợ công của Hoa Kỳ hiện tới 15.000 tỷ USD trong khi đó hai đảng chủ yếu ở Hoa Kỳ vẫn không thể thỏa thuận với nhau về biện pháp giải quyết. Bởi vậy, đầu tháng 8/2011 Công ty S&P lần đầu tiên trong lịch sử 100 năm qua đã hạ cấp tín nhiệm tín dụng Hoa Kỳ từ 3 A (AAA) xuống còn 2 A+ (AA+).

Đây cũng là những tín hiệu cho thấy kinh tế Hoa Kỳ năm 2012 chưa thể khởi sắc và vẫn dậm chân tại chỗ. Đầu tháng 11/2011, FED dự báo tăng trưởng GDP năm 2012 của Hoa Kỳ tương đối lạc quan hơn IMF như có thể đạt mức từ 2,5% tới 2,9%. Tuy nhiên ngày 13/12/2011 FED đã phải thừa nhận rằng do kinh tế toàn cầu còn nhiều nhân tố không xác định, nên tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ năm 2012 không thể lạc quan và đang bị thách thức nghiêm trọng.

Ngày 3/01/2012, FED dự báo kinh tế Hoa Kỳ sẽ dần tăng trưởng trở lại trong các năm 2012 và 2013, trong khi tỷ lệ thất nghiệp sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao hiện nay. Trong biên bản cuộc họp cuối năm 2011 của Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) - cơ quan hoạch định chính sách của FED - được công bố ngày 3/01/2012, FED cho biết nền kinh tế Hoa Kỳ sẽ dần lấy lại đà tăng trưởng trong hai năm tới nhờ việc điều chỉnh các chính sách tiền tệ, nguồn vốn tín dụng tăng cũng như lòng tin của người tiêu dùng và doanh nghiệp được cải thiện.

Theo FED, hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ trong thời gian tới tăng không đáng kể. Trong năm 2012 và năm 2013, tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Hoa Kỳ có thể phần nào giúp giảm bớt tình trạng ảm đạm trên thị trường lao động và tiêu dùng, đồng thời lạm phát có thể tạm lắng xuống trong hai năm này.

Tuy nhiên, FED cũng cảnh báo tỷ lệ thất nghiệp sẽ tiếp tục kéo dài và có khả năng duy trì ở mức cao trong năm 2012 và 2013 do các cơ hội việc làm tại các bang tiếp tục giảm, không có nhiều doanh nghiệp lên kế hoạch tuyển dụng nhân viên. Bên cạnh đó, hoạt động giao dịch trên thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng do sự tồn đọng lớn các tài sản thế chấp và tích biên cũng như nhu cầu ít ỏi của các nhà đầu tư trong lĩnh vực này. Điều đó cho thấy các điều kiện tín dụng đối với các khoản vay thế chấp vẫn đang được thắt chặt và sự bất ổn về giá nhà đất trong tương lai.

Nhằm nỗ lực cải thiện tính minh bạch, FED thông báo sẽ cập nhật 4 lần một năm về những kế hoạch chính sách tiền tệ thích hợp trong tương lai cùng với việc phát hành bản Tóm tắt Dự báo kinh tế (SEP) dự đoán về tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát của nền kinh tế Hoa Kỳ.

*Bảng 3: Dự báo Giá cả tiêu dùng, Cân đối tài khoản vãng lai, Tỷ lệ thất nghiệp của một số nền kinh tế tiên tiến năm 2012*

	Giá cả tiêu dùng			Cán cân tài khoản vãng lai (% của GDP)			Tỷ lệ thất nghiệp		
	2010	2011	2012	2010	2011	2012	2010	2011	2012
Các nước phát triển	1,6	2,6	1,4	-0,2	-0,3	0,1	8,3	7,9	7,9
Hoa Kỳ	1,6	3,0	1,2	-3,2	-3,1	-2,1	9,6	9,1	9,0
Khu vực đồng euro	1,6	2,5	1,5	-0,4	0,1	0,4	10,1	9,9	9,9
Nhật Bản	-0,7	-0,4	-0,5	3,6	2,5	2,8	5,1	4,9	4,8
Anh	3,3	4,5	2,4	-3,2	-2,7	-2,3	7,9	7,8	7,8
Canada	1,8	2,9	2,1	-3,1	-3,3	-3,8	8,0	7,6	7,7
Các nước phát triển khác trừ các nước G7 và các nước Eurozone	2,3	3,3	2,8	5,0	4,7	3,7	4,9	4,4	4,3
Các nước ASEAN mới công nghiệp hóa	2,3	3,7	3,1	7,0	6,4	6,1	4,1	3,5	3,5

*Nguồn: IMF - Toàn cảnh Kinh tế Thế giới (9/2011)*

Tháng 11/2012 Hoa Kỳ bắt đầu tiến hành bầu cử Tổng thống, toàn bộ Hạ viện và 1/3 Thượng viện, nên nhân tố “chính trị bầu cử” có thể tác động tới chính sách kinh tế. Theo đó, nếu một đảng giành quyền kiểm soát cả Nhà Trắng và Quốc hội Hoa Kỳ sẽ tác động to lớn đến nền kinh tế lớn nhất thế giới này. Đó là chưa kể cả Chính phủ và

Quốc hội Hoa Kỳ đều không dám phiêu lưu với các biện pháp đột phá bởi sợ ảnh hưởng tới lá phiếu của cử tri. Nhưng trong tình hình hiện nay thì hai đảng ở Hoa Kỳ khó có thể đi tới nhất trí về những quyết sách to lớn kích thích kinh tế Hoa Kỳ, bởi lẽ đấu đá trong tranh cử là biện pháp để giành ưu thế hơn đối phương. Năm 2012, bức tranh kinh tế Hoa Kỳ vẫn không mấy khả quan.

### ***1.2.2. Châu Âu: Bất ổn kinh tế và tài chính kéo dài***

#### ***Năm quyết định số phận đồng Euro***

Năm 2012 sẽ là năm quan trọng đối với đồng Euro và tương lai của nó phụ thuộc vào cả châu Âu. Dù Italia hay nước nào đó không còn sử dụng Euro và chỉ còn một số nước duy trì đồng tiền này, thì tương lai của nó vẫn không phải là vấn đề của riêng Italia hay nhóm nhỏ đó. Thực tế là 17 nước thành viên Eurozone đã bước vào năm 2012 với những trở ngại lớn trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng nợ công. Trong quý I/2012, Italia sẽ phải vay mượn thêm để thanh toán 72 tỷ Euro nợ và tiền lãi, trong khi Tây Ban Nha dự kiến phát hành 25 tỷ Euro trái phiếu. Nếu các đợt phát hành trái phiếu này diễn ra suôn sẻ, với các mức lãi suất có thể chấp nhận được, những lo ngại về cuộc khủng hoảng nợ công ở Eurozone có thể sẽ dịu bớt. Ngược lại sẽ gây lo ngại về nguy cơ vỡ nợ công, điều sẽ làm tê liệt hệ thống ngân hàng, nhấn chìm các nền kinh tế và có thể khiến liên minh tiền tệ gồm 17 thành viên tan rã.

IMF dự đoán GDP của Eurozone năm 2012 có thể chỉ đạt - 0,5% và năm 2013 là 0,8%. Còn WB nhận định GDP của khu vực này năm 2012 chỉ đạt - 0,3% và năm 2013 là 1,1%. Như vậy, cả hai định chế tài chính này đều dự báo Eurozone sẽ có tăng trưởng âm năm 2012.

Những khó khăn của Italia và Tây Ban Nha có thể còn nhiều thêm nếu khủng hoảng nợ công đẩy toàn bộ Eurozone vào một cuộc suy thoái. Các nhà kinh tế của Ernst & Young dự đoán khu vực này sẽ rơi vào suy thoái nhẹ trong nửa đầu năm tới và tăng trưởng chỉ 0,1% cả năm, với tỷ lệ thất nghiệp ở mức 10% trong vài năm.

Điều này sẽ khiến các chính phủ khó khăn hơn khi thuyết phục người dân chấp nhận việc cắt giảm hơn nữa trong chi tiêu, lương hưu và lương công chức, trong khi tăng thuế. Với Hy Lạp, chưa thể rõ người dân còn chịu được việc thắt lưng buộc bụng đến bao giờ, khi nền kinh tế sẽ suy thoái năm thứ 4 liên tiếp trong năm tới.

Tại Bỉ, việc cắt giảm ngân sách đang gặp rất nhiều khó khăn. Ngày 6/01/2012, Ủy ban châu Âu đã bác bỏ ngân sách năm 2012 của Bỉ và yêu cầu nước này phải siết chặt ngân sách hơn nữa. Ủy ban châu Âu cho rằng một vài chỉ số trong ngân sách của Bỉ quá lạc quan và Bỉ sẽ không thực hiện được cam kết cắt giảm thâm hụt ngân sách. Thủ tướng Bỉ Elio di Rupo ngay sau đó đã triệu tập một cuộc họp đặc biệt của chính phủ để thảo luận về phản ứng đối với động thái trên của Ủy ban châu Âu. Dự thảo ngân sách của Bỉ được xây dựng qua những cuộc đàm phán rất căng thẳng giữa các chính đảng hàng đầu của nước này mùa Thu năm 2011, theo đó dự kiến thâm hụt ngân sách ở mức 2,8%. Như vậy chính phủ sẽ phải tiết kiệm 11,3 tỷ euro bằng cách cắt giảm một loạt



chi phí xã hội và áp dụng các khoản thuế mới. Ngân sách năm 2012 dựa trên dự báo tăng trưởng kinh tế ở mức 0,8%. Ủy ban châu Âu cho rằng thâm hụt ngân sách 2012 của Bỉ có thể vượt mức 3,1%, trong khi giới hạn mức thâm hụt đối với các nước EU là dưới 3% theo qui định của Hiệp ước ổn định và tăng trưởng.

Tại Thụy Sĩ, Ban Thư ký Nhà nước về Kinh tế Thụy Sĩ vừa đưa ra dự báo năm 2012, nền kinh tế nước này sẽ bước vào thời kỳ trì trệ với tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 0,5%. Các nhà kinh tế thậm chí dự đoán kinh tế tăng trưởng âm trong hai quý liên tiếp bắt đầu ngay từ mùa Đông này. Theo các chuyên gia, nguyên nhân chủ yếu là khu vực châu Âu - thị trường xuất khẩu chính của Thụy Sĩ, không thể giải quyết được cuộc khủng hoảng nợ công. Câu hỏi thực sự lúc này là giai đoạn khó khăn sẽ kéo dài bao lâu và sẽ ảnh hưởng sâu rộng như thế nào đến nền kinh tế Thụy Sĩ. Mặc dù Chính phủ và Ngân hàng quốc gia Thụy Sĩ (SNB) đã thực hiện các biện pháp mạnh trong nửa cuối năm 2011 để hạn chế suy giảm tăng trưởng kinh tế, nhưng giờ đây số phận của nền kinh tế dường như nằm ngoài tầm kiểm soát của họ. Thụy Sĩ đã vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và suy thoái kinh tế toàn cầu tương đối tốt nhờ vào thị trường nhà ở ổn định, tiêu thụ trong nước mạnh và mức nợ thấp. Tuy nhiên, thị trường bất động sản hiện có những dấu hiệu tăng trưởng quá nóng đáng lo ngại, đặc biệt là ở các thành phố lớn và các khu du lịch, trong khi người tiêu dùng bắt đầu "thắt lưng buộc bụng". Trong khi đó, việc các nhà đầu tư nước ngoài đổ tài sản của họ vào đồng franc Thụy Sĩ tìm nơi trú ẩn an toàn đã làm đồng tiền Thụy Sĩ mạnh lên. Đây cũng chính là nguyên nhân làm khốn đốn nhiều doanh nghiệp xuất khẩu của Thụy Sĩ và làm chi phí du lịch đến xứ sở của đồng hồ đắt đỏ hơn, làm giảm đáng kể nguồn khách nước ngoài đến thăm Thụy Sĩ. Áp lực của đồng tiền Thụy Sĩ, nhu cầu giảm đi của người tiêu dùng châu Âu - thị trường của hơn 2/3 lượng hàng hóa xuất khẩu của Thụy Sĩ và chính sách tiết kiệm mà chính phủ các nước áp dụng, đang có dấu hiệu làm giảm sút nền kinh tế Thụy Sĩ. Trong số những biện pháp chống đỡ mà Thụy Sĩ đang áp dụng có việc các công ty cố gắng mở rộng thị trường tại các nền kinh tế phát triển, như Trung Quốc hay Ấn Độ.

Theo khảo sát, tình hình kinh tế tại một loạt quốc gia châu Âu khác khá ảm đạm. Doanh số bán lẻ Tây Ban Nha giảm trong tháng 11, thặng dư thương mại của Thụy Điển cũng giảm, triển vọng kinh doanh tại Italia cũng không mấy khả quan trong tháng này, chỉ số giá tiêu dùng của Đức có thể tăng trong tháng 12 này.

Trong khi đó, ý tưởng về việc phát hành trái phiếu chung vẫn bị Đức phản đối và cần thời gian để có thể được thực hiện. Bên cạnh đó, mặc dù có thể in thêm tiền để mua một lượng lớn trái phiếu của Italia và Tây Ban Nha, song cho đến nay, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) vẫn từ chối làm việc này.

Về kinh tế Đức, trả lời phỏng vấn ngày 2/01/2012, Bộ trưởng Bộ Tài chính nước này Wolfgang Schaeuble nói rằng, năm 2012 có thể sẽ còn tồi tệ hơn 2011, nhưng nền kinh tế lớn nhất châu Âu là Đức sẽ có thể trụ vững trước tình cảnh đó. Theo dự báo

của Viện Kinh tế Đức (IW) sau cuộc khảo sát đối với 46 tập đóng vai trò quan trọng nhất nước này, GDP của Đức trong năm 2012 sẽ tăng 1%, mức tăng này không nhiều nhưng hoàn toàn có thể coi là bước tiến ổn định. Giáo sư Michael Hüther, Giám đốc IW cho biết, nếu xét về tương lai gần thì tình hình kinh tế Đức tốt hơn so với những dự báo bi quan về mức tăng trưởng GDP của Đức trong năm 2012. Điều này là do đại diện các ngành chủ chốt của nền kinh tế Đức như chế tạo ô tô, cơ khí, hóa chất và xây dựng, kỳ vọng sẽ mở rộng hoạt động trong năm 2012. Thị trường lao động cũng lạc quan vào năm 2012 khi có thông tin 31 tập đoàn ngành chờ đợi sự ổn định về việc làm trong năm mới, và chỉ có 8 cơ sở cảnh báo về nguy cơ cắt giảm biên chế. Tuy nhiên, đối với khu vực tài chính và năng lượng tình hình không mấy tốt đẹp, bởi các ngân hàng và các công ty bảo hiểm là chịu tác động mạnh nhất từ cuộc khủng hoảng nợ công hiện nay. Còn ngành năng lượng đang đứng trước nhiệm vụ loại bỏ năng lượng hạt nhân, dần dần đóng cửa các nhà máy điện nguyên tử và phải đầu tư lớn vào việc phát triển năng lượng thay thế và cải tạo mạng lưới điện.

Tại Anh, trong thông điệp đầu năm gửi tới người dân ngày 2/01/2012, Thủ tướng Anh David Cameron thừa nhận nước Anh đang đứng trước một năm nhiều khó khăn về kinh tế và không “miễn dịch” được với khủng hoảng nợ công châu Âu, nhưng khẳng định Chính phủ sẽ tận dụng mọi cơ hội để vượt qua những khó khăn này. So với năm ngoái khi tuyên bố kinh tế Anh đã thoát khỏi khủng hoảng, thông điệp năm nay của Thủ tướng Anh bớt lạc quan hơn trong bối cảnh nền kinh tế này tiếp tục trì trệ và thất nghiệp tăng cao kỷ lục trong năm 2010. Một số chuyên gia thậm chí cảnh báo kinh tế Anh có nguy cơ suy thoái kép trong năm 2012.

Nhìn chung tại châu Âu cũng như Hoa Kỳ, các chỉ số kinh tế cũng như việc làm không có nhiều dấu hiệu tích cực.

*Bảng 4: Dự báo giá cả tiêu dùng, cân đối tài khoản vãng lai, tỷ lệ thất nghiệp của một số quốc gia châu Âu năm 2012*

	Giá cả tiêu dùng			Cán cân tài khoản vãng lai (% của GDP)			Tỷ lệ thất nghiệp		
	2010	2011	2012	2010	2011	2012	2010	2011	2012
Châu Âu	2,4	3,1	2,1	0,3	0,1	0,4			
Các nước châu Âu phát triển	1,9	2,8	1,7	0,8	0,8	1,0	9,4	9,2	9,1
Khu vực đồng euro	1,6	2,5	1,5	-0,4	0,1	0,4	10,1	9,9	9,9
Đức	1,2	2,2	1,3	5,7	5,0	4,9	7,1	6,0	6,2
Pháp	1,7	2,1	1,4	-1,7	-2,7	-2,5	9,8	9,5	9,2
Italia	1,6	2,6	1,6	-3,3	-3,5	-3,0	8,4	8,2	8,5
Tây Ban Nha	2,0	2,9	1,5	-4,6	-3,8	-3,1	20,1	20,7	19,7

Hà Lan	0,9	2,5	2,0	7,1	7,5	7,7	4,5	4,2	4,2
Vương quốc Bỉ	2,3	3,2	2,0	1,0	0,6	0,9	8,4	7,9	8,1
Áo	1,7	3,2	2,2	2,7	2,8	2,7	4,4	4,1	4,1
Hy Lạp	4,7	2,9	1,0	-10,5	-8,4	-6,7	12,5	16,5	18,5
Bồ Đào Nha	1,4	3,4	2,1	-9,9	-8,6	-6,4	12,0	12,2	13,4
Phần Lan	1,7	3,1	2,0	3,1	2,5	2,5	8,4	7,8	7,6
Ai-len	-1,6	1,1	0,6	0,5	1,8	1,9	13,6	14,3	13,9
Cộng hòa Slovakia	0,7	3,6	1,8	-3,5	-1,3	-1,1	14,4	13,4	12,3
Slovenia	1,8	1,8	2,1	-0,8	-1,7	-2,1	7,3	8,2	8,0
Luxembourg	2,3	3,6	1,4	7,8	9,8	10,3	6,2	5,8	6,0
Estonia	2,9	5,1	3,5	3,6	2,4	2,3	16,9	13,5	11,5
Síp	2,6	4,0	2,4	-7,7	-7,2	-7,6	6,4	7,4	7,2
Malta	2,0	2,6	2,3	-4,8	-3,8	-4,8	6,9	6,3	6,2
Anh	3,3	4,5	2,4	-3,2	-2,7	-2,3	7,9	7,8	7,8
Thụy Điển	1,9	3,0	2,5	6,3	5,8	5,3	8,4	7,4	6,6
Thụy Sĩ	0,7	0,7	0,9	15,8	12,5	10,9	3,6	3,4	3,4
Cộng hòa Séc	1,5	1,8	2,0	-3,7	-3,3	-3,4	7,3	6,7	6,6
Na Uy	2,4	1,7	2,2	12,4	14,0	12,8	3,6	3,6	3,5
Đan Mạch	2,3	3,2	2,4	5,1	6,4	6,4	4,2	4,5	4,4
Iceland	5,4	4,2	4,5	-10,2	1,9	3,2	8,1	7,1	6,0
Nhóm nước châu Âu đang nổi	<b>5,3</b>	<b>5,2</b>	<b>4,5</b>	<b>-4,6</b>	<b>-6,2</b>	<b>-5,4</b>			
Thổ Nhĩ Kỳ	8,6	6,0	6,9	-6,6	-10,3	-7,4	11,9	10,5	10,7
Ba Lan	2,6	4,0	2,8	-4,5	-4,8	-5,1	9,6	9,4	9,2
Rumani	6,1	6,4	4,3	-4,3	-4,5	-4,6	7,6	5,0	4,8
Hungary	4,9	3,7	3,0	2,1	2,0	1,5	11,2	11,3	11,0
Bungari	3,0	3,8	2,9	-1,0	1,6	0,6	10,3	10,2	9,5
Serbia	6,2	11,3	4,3	-7,2	-7,7	-8,9	19,6	20,5	20,6
Croatia	1,0	3,2	2,4	-1,1	-1,8	-2,7	12,2	12,7	12,2
Litva	1,2	4,2	2,6	1,8	-1,9	-2,7	17,8	15,5	14,0
Latvia	-1,2	4,2	2,3	3,6	1,0	-0,5	19,0	16,1	14,5

*Nguồn: IMF - Toàn cảnh Kinh tế Thế giới (9/2011)*

### **1.2.3. Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS): tăng trưởng khiêm tốn**

Sự phục hồi trong khu vực CIS đang diễn ra cho dù khu vực tài chính và chi tiêu của hộ gia đình đang bị kiềm chế. Đến nay tăng trưởng đã được hỗ trợ bởi giá cả hàng hóa tăng mạnh mẽ, nhưng nguy cơ sụt giảm đã tăng lên cùng với sự suy giảm toàn cầu. Cũng như các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển khác, các nỗ lực nên tập trung vào xây dựng lại hệ thống tài chính và giữ lạm phát trong tầm kiểm soát. Những cái

cách lớn cũng cần thiết để tăng cường môi trường kinh doanh, phát triển hệ thống tài chính, và xây dựng các định chế tổ chức mạnh để nâng cao tiềm năng tăng trưởng của khu vực.

Với giá cả hàng hóa tăng mạnh, tăng trưởng trong khu vực CIS tiếp tục phục hồi trở lại, mặc dù ở mức khiêm tốn so với tỷ lệ tăng trưởng trước khủng hoảng. Theo IMF, tốc độ tăng trưởng trung bình của khu vực này dự kiến là khoảng 4,5% năm 2011, dự báo 3,7% năm 2012 và 3,8% năm 2013. Tuy nhiên, triển vọng thay đổi đáng kể trong khu vực.

IMF dự báo tăng trưởng ở Nga đạt khoảng 3,3% trong 2012 và 3,5% năm 2013, trong khi WB dự báo khả quan hơn với tỷ lệ lần lượt là 3,5% năm 2012 và 3,9% năm 2013. Dòng vốn đó thúc đẩy tín dụng, nhu cầu tư nhân, và tăng trưởng trước khi khủng hoảng, vẫn chưa trở lại bởi vì các nhà đầu tư vẫn còn lo ngại về sự bất ổn chính trị trong cuộc bầu cử tổng thống và môi trường kinh doanh thiếu thân thiện.

Trong hầu hết các nền kinh tế xuất khẩu năng lượng khác, tăng trưởng cũng được dự báo là ở mức trung bình khi giá năng lượng giảm đi phần nào vào năm 2012. Tuy nhiên, tại Azerbaijan, sự gián đoạn trong sản xuất dầu sẽ dẫn đến giảm mạnh trong tăng trưởng trong năm 2011, mặc dù có sự nỗ lực trong tăng trưởng GDP không gắn với dầu lửa. Nói chung, tăng trưởng của sản lượng dầu dự kiến sẽ giảm trong trung hạn khi các mỏ dầu hiện có đạt đến năng lực khai thác của mình. Tại Kazakhstan, sự gia tăng sản lượng dầu dự kiến sẽ thấp hơn so với các năm trước. Tăng trưởng GDP phi dầu mỏ cũng dự kiến sẽ giảm chút ít so với sự phục hồi mạnh mẽ trong năm 2010 tại Kazakhstan cũng như ở Turkmenistan.

Nhìn chung, các nền kinh tế nhập khẩu năng lượng dự kiến sẽ có mức tăng trưởng với tốc độ gần như tốc độ trong năm 2010. Tuy nhiên, các yếu tố khác nhau mang đặc điểm riêng sẽ nâng tốc độ tăng trưởng trong một số các nền kinh tế.

Lạm phát được dự báo sẽ đạt hai con số trong nhiều nền kinh tế của khu vực. Điều này phản ánh chủ yếu là sự gia tăng mạnh về giá cả hàng hóa trong nửa đầu năm 2011 và tỷ lệ cao của thực phẩm trong giỏ tiêu thụ, nhưng trong một số trường hợp, nó cũng là do áp lực nhu cầu hiện tại hoặc gần đây (như ở Azerbaijan, Belarus, Cộng hòa Kyrgyzstan, Uzbekistan).

Khu vực CIS là đặc biệt dễ bị tổn thương lan truyền từ phần còn lại của thế giới, bằng chứng là sự sụp đổ kinh tế trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Giá hàng hóa tác động lớn đến tình hình kinh tế của hầu hết các nền kinh tế lớn trong khu vực, trong khi đầu tư nước ngoài rất quan trọng cho sự tăng trưởng trong đầu tư và tiêu dùng. Hiệu suất kinh tế trong nền kinh tế Nga tác động lớn đối với nhiều nước khác trong khu vực. Môi trường chính trị xã hội của khu vực, với căng thẳng lâu dài và xung đột chưa được giải quyết, vẫn còn là một nguồn gốc của rủi ro.

Đã đến lúc các khu vực CIS chấm dứt các chính sách đồng chu kỳ và xây dựng nền kinh tế dựa trên cải cách cơ cấu để tăng khả năng phục hồi của mình trước những cú

sốc trong tương lai. Một số nước đã bắt đầu tăng lãi suất để đối phó áp lực giá tăng (ví dụ, Azerbaijan, Cộng hòa Kyrgyzstan, Nga) và tăng cường dự trữ và yêu cầu thanh khoản. Tuy nhiên, với sự không chắc chắn trong triển vọng toàn cầu, tốc độ thắt chặt tiền tệ có thể chậm hơn trong những nền kinh tế nơi mà áp lực tăng trưởng tín dụng vẫn quá nóng.

Sự thận trọng tài chính là rất quan trọng cho sự ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng bền vững và cân bằng trong khu vực. Để đảm bảo độ bền vững và ổn định thì cần được trợ bởi khuôn khổ tài chính và cải cách cơ cấu cơ bản, bao gồm cả lương hưu, chăm sóc sức khỏe, và bảo trợ xã hội mạnh mẽ. Đối với nhà xuất khẩu năng lượng, thách thức sẽ là chống lại áp lực tăng chi tiêu trong khi vẫn nâng cao hiệu quả của chi tiêu công. Khu vực này được IMF khuyến cáo là cần khôi phục lại sức mạnh hệ thống tài chính.

*Bảng 5: Dự báo giá cả tiêu dùng, cân đối tài khoản vãng lai, tỷ lệ thất nghiệp của Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS)*

	Giá cả tiêu dùng			Cán cân tài khoản vãng lai (% của GDP)			Tỷ lệ thất nghiệp		
	2010	2011	2012	2010	2011	2012	2010	2011	2012
Toàn Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS)	<b>7,2</b>	<b>10,3</b>	<b>8,7</b>	<b>3,8</b>	<b>4,6</b>	<b>2,9</b>			
Nga	6,9	8,9	7,3	4,8	5,5	3,5	7,5	7,3	7,1
Ukraina	9,4	9,3	9,1	-2,1	-3,9	-5,3	8,1	7,8	7,4
Kazakhstan	7,4	8,9	7,9	2,9	5,9	4,6	5,8	5,7	5,6
Belarus	7,7	41,0	35,5	-15,5	-13,4	-9,9	0,7	0,7	0,7
Azerbaijan	5,7	9,3	10,3	27,7	22,7	19,3	6,0	6,0	6,0
Turkmenistan	4,4	6,1	7,2	-11,7	-2,9	-2,6			
Mông cổ	10,2	10,2	14,3	-14,9	-15,0	-10,5	3,3	3,0	3,0
Các nước CIS thu nhập thấp	<b>8,3</b>	<b>12,3</b>	<b>9,4</b>	<b>-0,7</b>	<b>-0,7</b>	<b>-0,7</b>			
Uzbekistan	9,4	13,1	11,8	6,7	8,0	7,4	0,2	0,2	0,2
Gruzia	7,1	9,6	5,0	-9,6	-10,8	-9,2	16,3	16,2	16,0
Acmeni	7,3	8,8	3,3	-13,9	-11,7	-10,7	7,0	7,0	7,0
Tajikistan	6,5	13,6	10,0	2,1	-3,6	-6,7			

Kyrgyzstan	7,8	19,1	9,4	-7,2	-7,7	-7,6	9,3	8,4	8,3
Moldova	7,4	7,9	7,8	-8,3	-9,9	-10,3	7,4	7,3	7,0
Các nước xuất khẩu năng lượng thô (1)	6,9	9,0	7,6	5,2	6,0	4,1			
Các nước nhập khẩu năng lượng thô (2)	8,7	16,8	14,7	-6,5	-7,1	-7,0			

(1) Các nước xuất khẩu năng lượng thô (Trừ Nga): Azerbaijan, Kazakhstan, Turkmenistan, và Uzbekistan,

(2) Các nước nhập khẩu năng lượng thô: Acmeni, Belarus, Gruzia, Kyrgyzstan, Moldova, Mông cổ, Tajikistan, và Ukraina,

Nguồn: IMF - Toàn cảnh Kinh tế Thế giới (9/2011)

#### 1.2.4. Châu Á: vẫn tăng trưởng mạnh mẽ

Trong bức tranh kinh tế toàn cầu, châu Á là điểm sáng nhất, với mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Khu vực này đã trở thành đầu tàu kinh tế của thế giới, chính nhờ khu vực này mà tỷ lệ tăng trưởng toàn cầu không còn là con số âm. Châu Á cũng là khu vực đầu tiên thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế 2008-2009.

Các nước đang phát triển và các nền kinh tế trong thời kỳ quá độ tiếp tục là động lực thúc đẩy kinh tế toàn cầu với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 5,4% năm 2012 và 5,8% năm 2013, song thấp hơn nhiều so với tốc độ 7,1% năm 2010.

Trong số những nền kinh tế mới nổi, Trung Quốc và Ấn Độ được đánh giá sẽ tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng mạnh, nhưng tỷ lệ tăng trưởng của Trung Quốc được WB dự báo sẽ giảm dần trong các năm 2012 (8,4%) và 2013 (8,3). Tuy nhiên, ngược lại, IMF lại dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc năm 2012 là 8,2% và năm 2013 là 8,8%. IMF cũng dự báo GDP của Ấn Độ tăng trong khoảng 7,0% năm 2012 và 7,3% năm 2013, trong khi tỷ lệ này theo WB lần lượt là 6,5% và 7,7%.

Bảng 6: Dự báo tăng trưởng kinh tế của một số nền kinh tế châu Á

Nước	Năm 2012	Năm 2013
Campuchia	6,5	6,5
Trung Quốc	8,4	8,3
Indônêxia	6,2	6,5
Lào	7,5	7,4
Malaixia	4,9	5,3
Mông Cổ	15,1	15,0
Papua New Guinea	7,0	5,0
Philippin	4,2	5,0
Thái Lan	4,2	4,9
Vanuatu	4,0	4,2
Việt Nam	6,8	6,5

Nguồn: World Bank, 1/2012

Theo IMF, dù năm 2012 sẽ là năm khó khăn và có thể chịu tác động từ khủng hoảng châu Âu, những châu Á sẽ vẫn tăng trưởng tốt. Nhận định về triển vọng kinh tế châu Á trong năm 2012, các nhà kinh tế của IMF ngày 6/1/2012 nhấn mạnh châu Á vẫn có khả năng phản ứng hiệu quả và vượt qua nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu mới trong năm 2012 trong bối cảnh suy thoái kinh tế từ thế giới phát triển lan tới khu vực này.

*Bảng 7: Dự báo giá cả tiêu dùng, cán cân tài khoản vãng lai và tỷ lệ thất nghiệp của một số quốc gia châu Á*

	Giá cả tiêu dùng			Cán cân tài khoản vãng lai (% của GDP)			Tỷ lệ thất nghiệp		
	Dự báo			Dự báo			Dự báo		
	2010	2011	2012	2010	2011	2012	2010	2011	2012
<b>Châu Á</b>	<b>4,1</b>	<b>5,3</b>	<b>4,0</b>	<b>3,3</b>	<b>2,9</b>	<b>2,9</b>			
<b>Châu Á phát triển</b>	<b>0,8</b>	<b>1,6</b>	<b>1,3</b>	<b>3,3</b>	<b>2,5</b>	<b>2,3</b>	<b>4,8</b>	<b>4,4</b>	<b>4,4</b>
Nhật Bản	-0,7	-0,4	-0,5	3,6	2,5	2,8	5,1	4,9	4,8
Ôxtrâyliia	2,8	3,5	3,3	-2,7	-2,2	-4,7	5,2	5,0	4,8
New Zealand	2,3	4,4	2,7	-4,1	-3,9	-5,6	6,5	6,4	5,6
<b>Các nền kinh tế châu Á mới công nghiệp hóa</b>	<b>2,3</b>	<b>3,7</b>	<b>3,1</b>	<b>7,0</b>	<b>6,4</b>	<b>6,1</b>	<b>4,1</b>	<b>3,5</b>	<b>3,5</b>
Hàn Quốc	3,0	4,5	3,5	2,8	1,5	1,4	3,7	3,3	3,3
Đài Loan	1,0	1,8	1,8	9,3	11,0	11,0	5,2	4,3	4,2
Đặc khu Hồng Kông	2,3	5,5	4,5	6,2	5,4	5,5	4,3	3,6	3,7
Singapo	2,8	3,7	2,9	22,2	19,8	18,5	2,2	2,3	2,3
<b>Châu Á đang phát triển</b>	<b>5,7</b>	<b>7,0</b>	<b>5,1</b>	<b>3,3</b>	<b>3,3</b>	<b>3,4</b>			
Trung Quốc	3,3	5,5	3,3	5,2	5,2	5,6	4,1	4,0	4,0
Ấn Độ	12,0	10,6	8,6	-2,6	-2,2	-2,2			
Nhóm ASEAN - 5	<b>4,4</b>	<b>6,1</b>	<b>5,6</b>	<b>3,3</b>	<b>2,5</b>	<b>1,6</b>			
Indônêxia	5,1	5,7	6,5	0,8	0,2	-0,4	7,1	6,8	6,6
Thái Lan	3,3	4,0	4,1	4,6	4,8	2,5	1,0	1,2	1,2
Philipin	1,7	3,2	2,5	11,5	11,3	10,8	3,3	3,2	3,1
Malaixia	3,8	4,5	4,1	4,2	1,7	1,3	7,2	7,2	7,2
Việt Nam	9,2	18,8	12,1	-3,8	-4,7	-3,8	5,0	5,0	5,0
<b>Các nước châu Á đang phát triển khác</b>	<b>9,1</b>	<b>10,9</b>	<b>9,5</b>	<b>-0,4</b>	<b>-0,1</b>	<b>-1,3</b>			
<b>Châu Á đang nổi</b>	<b>5,2</b>	<b>6,6</b>	<b>4,9</b>	<b>3,9</b>	<b>3,8</b>	<b>3,8</b>			

*Nguồn: IMF - Toàn cảnh Kinh tế Thế giới (9/2011)*

Một nhà kinh tế cấp cao của IMF về châu Á-Thái Bình Dương cho rằng các biến động kinh tế ở các khu vực khác của thế giới, chủ yếu từ các nền kinh tế suy thoái của Eurozone, có thể định hình triển vọng kinh tế châu Á-Thái Bình Dương trong năm 2012. Châu Á-Thái Bình Dương được dự đoán sẽ tiếp tục là khu vực tăng trưởng nhanh nhất của nền kinh tế thế giới năm 2012.

Tuy nhiên, ngay cả khi kinh tế toàn cầu tiếp tục khủng hoảng, châu Á vẫn có nền tảng mạnh để có thể phản ứng hiệu quả. Cho đến nay, sức bật của các nền kinh tế châu Á vẫn mạnh do châu lục này đã tăng nhu cầu trong nước, tỷ lệ thất nghiệp thấp và các nhà máy vẫn hoạt động gần như hết công suất.

Tăng trưởng tín dụng tuy chậm lại nhưng vẫn mạnh ở hầu hết các nền kinh tế châu Á. Nhật Bản đã phục hồi sau thảm họa động đất-sóng thần tháng 3/2011 và Thái Lan cũng đang thúc đẩy tiến trình tái thiết sau trận lụt lịch sử.

Nghiên cứu mới nhất của IMF khẳng định nhiều nền kinh tế châu Á-Thái Bình Dương vẫn là các nền kinh tế năng động nhất thế giới. Châu Á có nguồn dự trữ ngoại tệ lớn có thể được sử dụng để hạn chế các tác động của khủng hoảng toàn cầu đến các nền kinh tế khu vực.

Tuy nhiên, IMF cảnh báo sự phụ thuộc nặng nề vào xuất khẩu có thể làm cho năm 2012 trở thành năm khó khăn của các nền kinh tế châu Á. Tăng trưởng đã chậm lại do nhu cầu thế giới về hàng xuất khẩu của châu Á tiếp tục giảm. Khủng hoảng tài chính ở Eurozone tác động đến nguồn tín dụng thương mại cung cấp cho các nền kinh tế châu Á vì các ngân hàng châu Âu là nguồn tài chính quan trọng cung cấp nguồn tín dụng này. Vì vậy, châu Á cần thúc đẩy cải tổ cơ cấu tài chính và kinh tế cần thiết để duy trì các hoạt động kinh tế năng động và hiệu quả, đồng thời giảm nguy cơ bị tổn thương do các cơn sóc kinh tế từ bên ngoài khu vực.

Các sự kiện diễn ra ở rất xa châu Á có thể tác động tới triển vọng kinh tế của khu vực trong năm 2012. Tuy nhiên, nếu tình hình kinh tế toàn cầu xấu đi, đáng kể nhất là tại các nền kinh tế gặp khó khăn trong khu vực đồng euro, thì các nhà hoạch định chính sách châu Á vẫn có thể đưa ra các phản ứng tích cực.

Châu Á vẫn được dự báo là sẽ giữ vai trò thúc đẩy kinh tế toàn cầu. Chuyên gia kinh tế trưởng Gerard Lyons của Ngân hàng Standard Chartered nhận định, khó khăn của châu Âu có thể kéo kinh tế toàn cầu sụt giảm vào đầu năm 2012, song tăng trưởng tại châu Á và Trung Quốc sẽ kéo mọi thứ trở lại quỹ đạo vào cuối năm. Standard Chartered cho rằng, chính các nền kinh tế phát triển cũng đang ngày càng nhận ra sự thật là sức mạnh kinh tế đang dịch chuyển sang phía Đông, khi mà phương Tây đang phải vật lộn với sức ép về tín dụng, kinh tế suy thoái và niềm tin của người tiêu dùng đổ vỡ. Theo ngân hàng này, sức mạnh nổi lên của thế giới đang phát triển thể hiện rõ với xu thế mở rộng nhanh của tầng lớp trung lưu, đầu tư cơ sở hạ tầng gia tăng và mối liên kết chặt chẽ giữa các hành lang thương mại mới kết nối châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latin.



Tổng biên tập tờ The Economist, ông Daniel Franhclin cũng tin rằng, các thị trường mới nổi lần đầu tiên sẽ mua một nửa lượng hàng hóa nhập khẩu của thế giới trong năm 2012. Trung Quốc sẽ tiến gần đến vị trí của Hoa Kỳ là nước nhập khẩu lớn nhất thế giới. Và đồng Nhân dân tệ sẽ sớm cùng với USD trở thành đồng tiền toàn cầu.

Có 3 yếu tố củng cố cho sự phục hồi tăng trưởng kinh tế của châu Á - Thái Bình Dương: Trước nhất, sự phục hồi kinh tế của Hoa Kỳ sẽ tiếp tục trong năm 2012; Thứ hai, Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới - được cho là sẽ có mức tăng trưởng tốt trong năm 2012; Thứ ba, nền kinh tế Nhật Bản được cho là sẽ đạt được sự hồi phục vừa phải trong năm 2012, do sản xuất công nghiệp trở lại bình thường cùng tác động của kích thích kinh tế, khi chương trình tái thiết sau thảm họa tăng tốc. Sản xuất công nghiệp của Nhật Bản dự kiến tăng lên 9,5% trong năm 2012, sau khi trải qua một sự sụt giảm 2,8% trong năm 2011. Sự phục hồi tăng trưởng này của Nhật Bản sẽ tạo ra yếu tố giảm nhẹ quan trọng thứ 3 đối với tác động của cuộc khủng hoảng Eurozone.

#### Phía trước là một năm khó khăn

Các nền kinh tế châu Á chắc chắn sẽ đối mặt với một sự bất ổn lớn cũng như các luồng gió ngược năm 2012; với thực trạng Eurozone đã trượt vào khủng hoảng cuối năm 2011, trong khi đã hồi phục kinh tế Hoa Kỳ - mặc dù có khả năng quan trọng vài tháng trở lại đây - vẫn rất khiêm tốn.

Mối nguy lớn nhất đối với triển vọng châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục xuất phát từ Eurozone. Nếu các nỗ lực nhằm bình ổn nền kinh tế của các chính phủ sử dụng đồng tiền chung này thất bại thì khu vực có thể bước vào một cuộc khủng hoảng leo thang hơn nữa. Bất kể một diễn biến nào như vậy cũng tiềm tàng gây ra một cuộc suy thoái toàn cầu với các cú sốc nghiêm trọng lan tới các nền kinh tế châu Á do thương mại toàn cầu suy giảm.

Mối nguy thứ 2 đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ là nếu nền kinh tế Trung Quốc có mức tăng trưởng GDP giảm dưới 5%. Mặc dù viễn cảnh về mức tăng trưởng như vậy của Trung Quốc là rất nhỏ, những bất cân bằng và những điểm yếu của nền kinh tế Trung Quốc đã gia tăng trong 2 năm qua. Điểm yếu chủ chốt xuất phát từ sự mở rộng 50% tín dụng ngân hàng trong năm 2009-2010 và tăng trưởng nhanh đi kèm trong vay mượn công ở địa phương, vốn được cho là dẫn tới sự gia tăng đáng kể các khoản nợ xấu của ngành ngân hàng về trung hạn.

Tuy nhiên, sự phụ thuộc nhiều vào thương mại của châu Á có thể khiến 2012 trở thành một năm khó khăn, nhận định được các chuyên gia kinh tế tại bộ phận châu Á - Thái Bình Dương của IMF nhận định. Châu Á là một trong những khu vực phụ thuộc nhiều nhất vào thương mại trên thế giới, xuất khẩu tất cả mọi thứ từ hàng hóa nguyên liệu như kim loại và gạo tới các sản phẩm điện tử và xe hơi phức tạp. Vì vậy, mức độ nhu cầu từ bên ngoài sẽ rất quan trọng trong việc xác định hiệu suất kinh tế của khu vực.

Tăng trưởng khu vực châu Á đã bắt đầu chậm lại do nhu cầu yếu hơn, mặc dù các nhân tố bên trong như quan điểm chính sách kinh tế vĩ mô thắt chặt cũng góp phần

quan trọng, đặc biệt là tại Ấn Độ và Trung Quốc. Trong tương lai, các chuyên gia kinh tế IMF dự báo nhu cầu với hàng xuất khẩu từ châu Á tương đối thấp.

Những căng thẳng gần đây tại một vài thị trường tài chính khu vực cho thấy ảnh hưởng lây lan từ các kênh tài chính cũng là nguy cơ đe dọa châu Á.

Những gì diễn ra tại Eurozone đã tạo ra rủi ro toàn cầu, và sự suy giảm tương ứng mạnh mẽ tại các thị trường chứng khoán châu Á. Các đồng tiền khu vực cũng mất giá. Áp lực nguồn vốn bằng USD tại một vài nền kinh tế đang tăng lên. Và chi phí bảo hiểm cho một vài ngân hàng lên cao chưa từng thấy kể từ sau sự sụp đổ của Lehman Brothers.

Khủng hoảng tài chính tiếp diễn trong Eurozone có thể sẽ tác động đáng kể tới châu Á qua việc giảm mức tiếp cận tín dụng. Các ngân hàng Eurozone là nguồn cung cấp vốn quan trọng cho nhiều hệ thống ngân hàng châu Á, và đóng vai trò quan trọng trong cung cấp tín dụng thương mại.

Như vậy, mặc dù sẽ có triển vọng phục hồi nhanh trong năm 2012 nhưng kinh tế châu Á - Thái Bình Dương sẽ đối mặt với nhiều nguy cơ và bất ổn trong năm 2012.

#### Đối phó với triển vọng xấu

Nếu Eurozone tan rã thì tác động đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ rất nghiêm trọng và sức mạnh kinh tế gia tăng của châu Á cũng khó có thể thay đổi được gì. Bộ phận Phân tích kinh tế của The Economist nhận định, nếu khu vực này tan rã trong 2 năm tới thì với khả năng tác động xấu lên tới 40%, kinh tế toàn cầu sẽ rơi vào suy thoái.

Thậm chí suy thoái sâu là khó tránh, bất chấp việc các nước châu Á, dẫn đầu là Trung Quốc sẽ nỗ lực đối phó bằng các chính sách tiền tệ và tài chính. Đơn vị Tình báo Kinh tế của Tạp chí The Economist (EIU) dự đoán, để đối phó với những tác động xấu, các nhà hoạch định chính sách ở châu Á có xu hướng quay trở lại ưu tiên cho giải pháp kích thích kinh tế.

Chính phủ các nước châu Á đã phải chi 1 nghìn tỷ USD để thực hiện các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và 2009. Malaixia, Philipin vừa công bố biện pháp kích thích nền kinh tế. Nhiều quốc gia khác cũng đang nỗ lực trong việc thúc đẩy tiêu thụ trong nước khi nhu cầu tại nước ngoài giảm mạnh. Trong năm 2012, có thể các chính sách tài chính sẽ được sử dụng một cách chủ động và linh hoạt hơn so với chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, Ấn Độ và Trung Quốc có thể sẽ không tập trung nhiều vào việc triển khai các biện pháp tài chính.

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), để đối phó với viễn cảnh không mong muốn, các nhà hoạch định chính sách châu Á nên sử dụng các công cụ tài khóa, tiền tệ và tài chính sẵn có. Cần áp dụng cơ chế tại chỗ để bảo đảm ổn định tài chính và tín dụng đầy đủ cho khu vực. Chính sách tiền tệ phải duy trì sự linh hoạt trong khi tỷ giá hối đoái phải tránh sự phá giá cạnh tranh.

Tuy nhiên, ông Lim Su Sian, chuyên viên phân tích chiến lược của ngân hàng Hoàng gia Scotland dự báo, các nhà hoạch định chính sách kinh tế châu Á chịu nhiều

áp lực giảm chi phí đi vay trong bối cảnh lạm phát vẫn còn cao. Các quốc gia châu Á như Thái Lan, Ấn Độ, Malaixia... đã quyết định giữ nguyên hoặc giảm lãi suất để bảo vệ nền kinh tế trước cuộc khủng hoảng nợ dai dẳng của châu Âu. Ấn Độ cắt giảm 0,75% lãi suất cho vay trong tháng 10 và tháng 11 tới mức thấp kỷ lục mặc dù tăng trưởng kinh tế tăng hơn 6% trong quý thứ 4. Ấn Độ cũng có động thái ngừng tăng lãi suất trong tháng 12. Lạm phát tiếp tục làm xói mòn sức mua của người tiêu dùng, đúng lúc các nền kinh tế châu Á đang cần nhu cầu nội địa để thúc đẩy tăng trưởng do xuất khẩu suy yếu. Tổ chức định mức tín nhiệm Fitch Ratings, ước lượng lạm phát năm 2012 của các nền kinh tế mới nổi châu Á từ 4,7% lên 4,9%.

Hầu hết các nhà hoạch định chính sách châu Á đều có ý định giảm giá đồng tiền của quốc gia mình nhằm bảo vệ ngành xuất khẩu. Đồng rupee của Ấn Độ giảm 16% sau khi đồng baht Thái Lan và đồng đô la Đài Loan giảm giá. Sri Lanka cũng giảm giá đồng tiền của mình vào tháng 10 vừa qua. Tuy nhiên có thể nói sự bất ổn trong hệ thống tiền tệ có thể ảnh hưởng không tốt đến tài sản của quốc gia. Giảm giá đồng tiền cũng gây áp lực lớn đối với giá cả nhập khẩu. Chính vì lý do đó, Các nhà chức trách phải cân nhắc kỹ lưỡng về tình hình lạm phát, nhu cầu nhập khẩu hay triển vọng xuất khẩu để đưa ra được những chính sách hợp lý.

Nhiều chuyên gia cho rằng, nếu những rủi ro đe dọa khu vực châu Á thành hiện thực, thì các nhà hoạch định chính sách châu Á có khả năng phải ứng mạnh mẽ. Một số nền kinh tế đã bắt đầu nói lòng tiền tệ. Chính sách tài khóa phối hợp có thể bị trì hoãn nếu nhu cầu bên ngoài giảm mạnh, đặc biệt là ở những nơi có nợ công thấp đủ khả năng để thực hiện các biện pháp thích hợp. Ngoài những biện pháp thông thường, các nền kinh tế châu Á có thể sử dụng các chính sách bổ sung như đã từng làm trong năm 2008.

Khu vực châu Á cũng đã tích lũy dự trữ ngoại hối lớn, yếu tố có thể giảm tác động của khủng hoảng tới hoạt động kinh tế. Trong trung hạn, châu Á vẫn sẽ là nơi có nhiều nền kinh tế năng động nhất thế giới, dù một vài cải cách vẫn cần thiết để duy trì hiệu suất trong quá khứ và giảm tác động từ những cú sốc bên ngoài.

Từ Thái Lan tới Ấn Độ và Malaixia, ngân hàng trung ương đã tiến hành cắt giảm lãi suất hoặc giữ lãi suất không đổi để bảo vệ nền kinh tế khỏi ảnh hưởng dây chuyền từ cuộc khủng hoảng nợ châu Âu kéo dài. Ông Lim cảnh báo chính phủ một số nước có thể nôn nóng và phạm sai lầm về chính sách khi tăng trưởng kinh tế chậm chạp.

Riêng với Trung Quốc, giới phân tích dự báo, năm 2012, Trung Quốc sẽ điều chỉnh một cách sâu sắc cấu trúc kinh tế và hướng lãnh đạo để đạt tăng trưởng và sẽ tăng đáng kể các khoản trợ cấp xã hội. Tốc độ tăng trưởng của cường quốc đông dân nhất thế giới sẽ xoay quanh tỷ lệ 8%. Việc giảm tăng trưởng và chú trọng và phát triển bền vững sẽ xoa dịu những bất ổn xã hội ngày càng tăng, tệ nạn tham nhũng và ô nhiễm môi trường ở nước này. Trung Quốc cần phải tiếp tục hành động để duy trì cân bằng tăng trưởng với đầu tư và xuất khẩu về hướng tiêu dùng cá nhân. Điều đó bao gồm cải

cách và tự do hóa hệ thống tài chính, hỗ trợ tài khóa cho tiêu thụ hộ gia đình và mở rộng mạng lưới an sinh xã hội. Nếu Trung Quốc tập trung vào việc tiêu thụ theo định hướng, thì căng thẳng thương mại toàn cầu sẽ được cải thiện.

Tại Nhật Bản, giảm nợ công và nâng cao tiềm năng tăng trưởng là những thách thức quan trọng. Điều này sẽ được hỗ trợ bằng cách tăng lực lượng lao động, thúc đẩy hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và bãi bỏ quy định trong lĩnh vực dịch vụ. Nhật Bản đang hồi phục từ sau thảm họa động đất, sóng thần 11/03/2011.

Tại Hàn Quốc, tăng năng suất lao động trong lĩnh vực dịch vụ nên là mục tiêu hướng tới. Và nhiều nước ASEAN nên tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng để thúc đẩy tăng trưởng tiềm năng. Tại Thái Lan quá trình xây dựng lại sau khi bị lũ lụt tàn phá cũng đang diễn ra. Bất chấp sự phục hồi của các nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, các nền kinh tế phụ thuộc nhiều hơn vào xuất khẩu như Singapo, Malaixia và đặc khu hành chính Hồng Kông được cho là sẽ có mức tăng trưởng kinh tế vừa phải do nhu cầu yếu hơn từ Eurozone. Ấn Độ cũng sẽ có đà phát triển kinh tế vừa phải do tác động của 13 lần tăng lãi suất kể từ tháng 3/2010, khi Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ đang đối phó với các áp lực lạm phát triển miên. Tại các nơi khác, sức ép lạm phát đang dịu bớt, với Trung Quốc, Malaixia, Indônêxia và Việt Nam nằm trong số các nước đã chứng kiến lạm phát giảm trong những tháng gần đây.

Viễn cảnh năm 2012, đối với các ngân hàng trung ương châu Á nổi trội nhất, là theo đuổi các lập trường chính sách tiền tệ mang tính điều chỉnh hơn nữa - nhưng thận trọng - khi áp lực lạm phát giảm đi, tạo ra sự hỗ trợ hơn nữa cho tăng trưởng kinh tế.

Cải cách cơ cấu cũng cần để tăng trưởng mạnh hơn. Mặc dù có những tiến bộ đáng kể trong giảm nghèo, tình trạng bất bình đẳng thu nhập đã tăng tại hầu hết các nước châu Á trong 2 thập kỷ qua.

#### *IMF cảnh báo nguy cơ bất bình đẳng đe dọa châu Á*

IMF cảnh báo bất bình đẳng về thu nhập, hưởng thụ thành quả phát triển cũng như các cơ hội kinh tế đã trở thành môi đe dọa lớn đối với sự phát triển bền vững của châu Á.

Giám đốc khu vực châu Á-Thái Bình Dương của IMF Anoop Singh lưu ý rằng, mặc dù tăng trưởng cao ấn tượng trong suốt 30 năm qua, nhưng châu Á vẫn là châu lục có số người nghèo khổ cao nhất thế giới. Bất bình đẳng cũng đã tăng lên cùng với tăng trưởng kinh tế. Bất bình đẳng ở châu Á đã nghiêm trọng hơn so với bất cứ khu vực nào trên thế giới và đã làm giảm tác động của tăng trưởng kinh tế nhanh đến tiến trình giảm đói nghèo. Tăng trưởng kinh tế cao đã trở nên ít mang tính phổ quát hơn ở nhiều nước châu Á.

Thu nhập của 20% dân số nghèo nhất ở Trung Quốc, các nền kinh tế công nghiệp mới và Nam Á tăng chậm hơn rất nhiều so với thu nhập bình quân tính theo đầu người. Nguy cơ này hiện đã đến mức báo động và cần được chú ý nhiều hơn và nghiêm túc hơn trong các đánh giá kinh tế khu vực châu Á cũng như trong các đối thoại chính sách với các nền kinh tế châu Á.

Trong 3 thập kỷ qua, mặc dù bất bình đẳng vẫn tăng lên, nhưng ưu tiên hàng đầu của châu Á vẫn là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao. Nhưng hiện tại, khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã gây ra những biến động kinh tế-xã hội khiến hiện trạng này trở thành vấn đề hàng đầu trong chương trình nghị sự chính sách quốc gia và cả khu vực châu Á.

Hội chứng bất bình đẳng có thể khác nhau ở mỗi nước nhưng nhu cầu giải quyết đã trở nên cấp thiết đối với châu Á để đạt được tăng trưởng phổ quát và bền vững.

Ông Anoop Singh kêu gọi các nước châu Á thực hiện các chính sách thiết thực hơn để tái cân bằng bất bình đẳng này trong các nền kinh tế khu vực, đặc biệt cần dành tỷ lệ cao trong GDP cho giáo dục và y tế, đồng thời cũng ưu tiên tăng cường mạng lưới an sinh xã hội khác. Các cải tổ này là những nhân tố chủ chốt của chiến lược rộng lớn cải tổ tài chính, lao động, quản lý đất nước... nhằm giảm số hộ gia đình dễ bị tổn thương và tái cân bằng các lợi ích của tăng trưởng kinh tế nhanh đối với các cộng đồng dân cư.

### ***1.2.5. Mỹ La tinh và Caribê***

Theo dự báo của Ủy ban Kinh tế Mỹ Latin và Caribê (CEPAL), Hiệp hội liên kết Mỹ Latin (ALADI), IMF và WB, kinh tế các nước Mỹ La tinh và Caribê vẫn tiếp tục đạt mức tăng trưởng ấn tượng. Theo WB mức tăng trưởng của khu vực này là 3,6% năm 2012 và 4,2% năm 2013, còn IMF dự báo tỷ lệ này lần lượt là 3,6% và 3,9%. Dẫn đầu tăng trưởng của khu vực sẽ là các nước xuất khẩu nguyên liệu và nông sản thuộc Nam Mỹ như Argentina, Chilê, Paraguay, Pêru và Uruguay. Các nước này đạt mức tăng trưởng GDP khoảng 6% trong năm 2011. Argentina được cho là có mức tăng trưởng cao nhất với 3,7% năm 2012 và 4,4% năm 2013.

Những lo ngại đối với khu vực này là sự sụt giảm tỷ lệ tăng trưởng của kinh tế Hoa Kỳ, EU và các nước phát triển. Nhu cầu tiêu thụ ở các nước đó chưa được phục hồi, thất nghiệp sau khủng hoảng chậm được cải thiện. Giá dầu, nguyên liệu và lương thực thực phẩm tăng cao và liên tục, gây bất lợi cho các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước Trung Mỹ và Caribê, nơi vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu các sản phẩm cơ bản, kinh tế của họ chủ yếu dựa vào kiều hối và du lịch.

Bên cạnh đó, kinh tế thế giới năm 2011 vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, đặc biệt là những khó khăn trong thương mại do sự phục hồi của chủ nghĩa bảo hộ, biến động của tỷ giá hối đoái của các đồng tiền chủ chốt và khủng hoảng nợ do thâm hụt ngân sách của nhiều nước lên cao sau khi đã sử dụng liệu pháp kích thích kinh tế lớn trong 2 năm qua và các biện pháp thu hồi các gói kích thích sẽ tác động trực tiếp làm suy yếu nhu cầu nội địa.

Các nước Nam Mỹ, nhất là các nước khối Mercosur có nhiều dấu hiệu cho thấy kinh tế đang tăng trưởng nóng như lạm phát tăng, giá cả các loại hàng hóa cũng đồng loạt tăng cao ngoài dự kiến và tỷ lệ thâm hụt tài khoản vãng lai cũng đang gia tăng. Hầu hết đồng tiền của các nước trong khu vực đều tăng giá khá cao so với đồng USD trong bối cảnh giá nguyên liệu và lương thực tăng cao.

Theo khuyến cáo của IMF, CEPAL và WB, để đảm bảo một sự tăng trưởng bền vững, Mỹ Latin cần phải tăng cường các nguồn lực phát triển lâu bền như tiết kiệm và đầu tư, cải thiện năng suất lao động và thay đổi công nghệ, thông qua các cải cách về cơ cấu. Ngoài ra, khu vực này cũng phải đề phòng với các mối đe dọa về biến động tài chính có thể xảy ra trên thị trường chứng khoán hoặc liên quan đến tỷ giá chuyển đổi. Mặt khác, Mỹ Latin cũng phải dung hòa những kết quả tích cực mà khu vực đạt được với việc các đồng tiền bản địa phải đương đầu với sự tăng giá và lạm phát để tránh biến động về giá cả đe dọa làm mất cân đối các yếu tố kinh tế vĩ mô; phải đầu tư nhiều hơn cho giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cũng như tăng đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ; củng cố tốt hơn các thị trường nội địa, đồng thời lưu ý cân nhắc việc thu hồi các gói kích thích kinh tế vì sự phục hồi kinh tế toàn cầu nhìn chung vẫn còn mong manh.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế khu vực sẽ được thúc đẩy bởi nhu cầu nội địa tăng mạnh, đặc biệt là tại các nước xuất khẩu nguyên liệu Nam Mỹ. Tuy nhiên, IMF nhấn mạnh, trong trường hợp châu Á giảm tốc tăng trưởng do tác động suy thoái có thể từ các nước phát triển, điều này sẽ ảnh hưởng mạnh tới các nước Mỹ Latin.

Báo cáo của IMF chỉ rõ, kinh tế các nước Mỹ Latin và Caribe đã tăng trưởng khá nhanh trong nửa đầu năm 2011 do tăng trưởng mạnh mẽ các hoạt động trong lĩnh vực thương mại, đặc biệt là xuất khẩu nông sản và nguyên liệu. Một nhân tố khác cũng góp phần không nhỏ cho việc thúc đẩy tăng trưởng đó là nhu cầu tiêu thụ nội địa được củng cố và gia tăng bởi các chính sách kinh tế vĩ mô linh hoạt kèm theo luồng vốn mạnh mẽ đổ vào khu vực từ bên ngoài.

IMF khuyến cáo khu vực này nên dùng chính sách tiền tệ đối phó khủng hoảng. Trong Báo cáo, IMF khuyến cáo khu vực này nên tiếp tục áp dụng chính sách nới lỏng tiền tệ và sử dụng công cụ này như “biện pháp phòng vệ” đầu tiên để đối phó với nguy cơ giảm phát của kinh tế thế giới. Đối với Mexico và các nước Trung Mỹ, những nước có quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ chặt chẽ hơn, có triển vọng kém tích cực hơn, IMF khuyến cáo các nước này nên giảm mức nợ công xuống ngang mức trước khủng hoảng 2008 cũng như sử dụng chính sách tiền tệ năng động nhằm củng cố hệ thống tài chính của mình.

Về lạm phát của khu vực, IMF dự báo, do tăng trưởng kinh tế của toàn cầu đang chậm lại và giá nguyên liệu và nông sản đang có xu hướng ổn định hơn, trong năm 2011, cả khu vực này tỷ lệ lạm phát ở mức 6,7% và sẽ giảm xuống 6% trong năm 2012. Argentina và Venezuela sẽ là hai nước có tỷ lệ lạm phát cao nhất khu vực, theo đó, chỉ số lạm phát của Venezuela trong năm 2011 là 25,8% và năm 2012 là 24,2%, còn Argentina, tỷ lệ này lần lượt là 11,5% và 11,8%.

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê và dân số Argentina (INDEC), trong quý II năm 2011, kinh tế Argentina tăng trưởng 9,1% và so với quý I tỷ lệ tăng trưởng đạt 2,5%. Trong đó, sản xuất công nghiệp đạt mức tăng trưởng 6,7% và các ngành dịch vụ

đạt 9,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng cung bình quân trong quý II tăng 10,9% từ kết quả của việc tăng trưởng GDP 9,1% và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 24,9%. Nhu cầu tiêu thụ của khu vực tư nhân trong quý II tăng 11,5% và khu vực nhà nước tăng 11,9%. Năm 2010, GDP của Argentina đã đạt mức tăng trưởng 9,2%. Và như vậy, kinh tế nước này đã có 8 năm tăng trưởng cao kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính năm 2002.

Nhằm đối phó với lạm phát đang có xu hướng tăng cao, các nước Mỹ Latin nhìn chung đã thực hiện các biện pháp thu hồi các gói kích thích ngay từ quý IV/2010, đồng thời kết thúc các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng đối với mua sắm tài sản cố định, các chương trình cho vay tín dụng hỗ trợ lãi suất như: kiểm soát chặt chẽ luồng tiền từ bên ngoài chảy vào các nước trong lĩnh vực đầu tư tài chính, tăng lãi suất ngân hàng, tăng tỷ lệ tiền mặt bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại, cắt giảm đầu tư công và ngân sách chi tiêu năm 2011, tăng thời hạn hồi vốn bắt buộc đối với các khoản đầu tư tài chính đến từ bên ngoài, tạm thời hoãn việc tăng giá xăng dầu, giá điện, thực hiện chính sách cân đối cơ cấu kinh tế vĩ mô và kiểm soát tăng trưởng nóng của nền kinh tế, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi...

Mặc dù đưa ra mức dự báo tăng trưởng kinh tế khá ấn tượng ở khu vực Mỹ Latin và Caribe trong năm 2011 và 2012, song các tổ chức tài chính thế giới và Liên hợp quốc đều chỉ ra được những thách thức mà nền kinh tế thế giới nói chung cũng như các nước khu vực Mỹ Latin nói riêng phải đối mặt trong năm nay và các năm tiếp theo như: cấu trúc tài chính cần phải thiết kế lại để tăng cường tác động tạo thêm việc làm và thúc đẩy thay đổi cơ cấu nhằm hướng tới tăng trưởng bền vững hơn trong trung hạn và dài hạn; để hài hòa hơn giữa các biện pháp kích thích tài chính và tiền tệ, thế giới cần đạt được các thỏa thuận và đồng thuận về quy mô, tốc độ và thời điểm nói lỏng các chính sách tài chính trong khuôn khổ các mục tiêu rộng lớn hơn để xử lý các mất cân bằng kinh tế thế giới, đồng thời cũng cần thúc đẩy cải tổ mạnh mẽ hơn các quy chế thị trường tài chính và hệ thống dự trữ toàn cầu nhằm giảm phụ thuộc vào đồng USD; các nước đang phát triển cần đảm bảo đủ các nguồn lực đáp ứng các nhu cầu phát triển lớn và xử lý không gian tài chính còn bị hạn chế...

#### **1.2.6. Châu Phi cận Sahara**

Theo báo cáo của IMF về triển vọng của châu Phi cận Sahara, tăng trưởng kinh tế trong khu vực vẫn duy trì được mức cao trong những năm gần đây và hầu hết các nước thu nhập thấp ở châu Phi vẫn phát triển bất chấp suy thoái kinh tế thế giới. Theo WB, tăng trưởng kinh tế của các nước cận Sahara dự kiến sẽ tăng trung bình 5,3% trong năm 2012 và trong năm 2013 lên 5,6%, tỷ lệ này theo IMF lần lượt là 5,5% và 5,3%. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia.

Hầu hết các nước thu nhập thấp đang có đà tăng trưởng tốt. Một phần ba trong số đó dự kiến tăng trưởng trên 6% trong năm 2011. Tuy nhiên, tại các nước thu nhập thấp, người dân nghèo sẽ tiếp tục chống chọi với giá lương thực và năng lượng tăng cao, và

nạn đói hoành hành trong vùng. Một số nước thu nhập trung bình bị ảnh hưởng sâu sắc bởi cuộc khủng hoảng toàn cầu.

Hiện nay, châu Phi tiếp tục được hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ phát triển cũng như chính sách hướng về châu Phi của Liên minh châu Âu, Nhật Bản và Trung Quốc. Mới đây, Chính phủ Nhật Bản thông báo sẽ tăng viện trợ cho các dự án khu vực tư nhân ở châu Phi, thông qua một khoản vay 8.440 tỷ yên, tương đương khoảng 100 triệu USD cho Ngân hàng Phát triển châu Phi (ADB). Chủ tịch ADB, ông Donald Kaberuka cho biết khoản vay sẽ giúp hỗ trợ việc duy trì và phát triển việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở châu Phi, tạo ra cơ sở hạ tầng thiết yếu và cung cấp đầu tư trực tiếp của ADB cho tổ chức tài chính lớn và các doanh nghiệp ở châu Phi.

Tuy nhiên, nền kinh tế trong khu vực cũng đối mặt với nhiều nguy cơ. Biến động của thị trường tài chính toàn cầu và tăng trưởng chậm lại ở các nước tiên tiến sẽ có tác động vào vùng cận Sahara châu Phi, bằng cách giảm xuất khẩu và dòng chảy của tài chính tư nhân, điều này sẽ làm giảm tăng trưởng đặc biệt là trong bối cảnh các nền kinh tế của khu vực hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Tỷ lệ lạm phát đã bắt đầu gia tăng, đẩy nhanh việc tăng giá lương thực và năng lượng. Trong thời gian 12 tháng tính đến tháng 6/2011, giá tiêu dùng tăng trung bình 10%, so với tỷ lệ 7% một năm rưỡi trước đó.

Bà Sayeh - Vụ trưởng Vụ châu Phi của IMF tế cho biết, một sự thay đổi nhanh chóng về đối tác thương mại tại châu Phi đang diễn ra, hiện nay các đối tác phi truyền thống chiếm một nửa xuất khẩu và gần 60% nhập khẩu của cận Sahara châu Phi. Mặc dù xuất khẩu của khu vực này vẫn còn tập trung nhiều vào dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản, đặc biệt đối với các đối tác lớn đang nổi lên, cụ thể là Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil, nhưng các nước mới nổi đã quan tâm đến nhiều loại hình sản phẩm đa dạng hơn như cơ sở hạ tầng, nông nghiệp và viễn thông. Sự thay đổi này tạo ra tác dụng có lợi với sự phát triển của thương mại quốc tế. Sự xuất hiện của các đối tác mới trong khu vực mở ra cơ hội mới, giảm chi phí đầu vào và hàng tiêu dùng, chuyên giao công nghệ, nhưng nó cũng đặt ra những thách thức lớn là quản lý việc xuất khẩu tập trung vào một số mặt hàng chính và thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế.

Những tín hiệu khả quan của nền kinh tế và hoạt động thương mại của các nước châu Phi cận Sahara trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới là một tín hiệu đáng mừng.

### ***1.2.7. Trung Đông và Bắc Phi***

Tunidi, Ai Cập, Libia và Yemen đều trải qua những biến động mạnh trong năm 2011, khi các nhà lãnh đạo lâu năm tại các quốc gia Trung Đông và Bắc Phi này bị lật đổ bởi các cuộc biểu tình chống chính phủ. Tuy nhiên, những bất ổn chính trị và kinh tế vẫn tiếp tục tồn tại sau sự ra đi của những nhà lãnh đạo đầy quyền lực.

Tăng trưởng ở khu vực này được dự báo là vẫn chậm và thiếu ổn định. WB dự báo tăng trưởng kinh tế của khu vực này năm 2012 chỉ đạt 2,3% và năm 2013 là 3,2%, tỷ lệ này theo IMF là 3,2% và 3,6%.



Trong báo cáo về triển vọng kinh tế khu vực Trung Đông và Bắc Phi, IMF nhấn mạnh những thay đổi đang diễn ra ở khu vực này, đã mở ra cơ hội dài hạn để đặt nền tảng thúc đẩy một mô hình tăng trưởng bền vững hơn về kinh tế và bao quát hơn về xã hội.

Tuy nhiên, về ngắn hạn, khu vực này đang đứng trước nhiều thách thức do giá hàng hóa tăng cao và các hoạt động kinh tế bị gián đoạn. Masood Ahmed, Giám đốc khu vực Trung Đông và Trung Á của IMF lưu ý rằng thách thức trực tiếp đối với các nền kinh tế trong khu vực là duy trì gắn kết xã hội và ổn định nền kinh tế vĩ mô. Trung Đông và Bắc Phi có thể thúc đẩy các nền kinh tế khu vực với chương trình nghị sự phát triển bao quát hơn, chú trọng đến khía cạnh xã hội của tăng trưởng kinh tế, cải thiện quản trị nền kinh tế và tạo ra các cơ hội bình đẳng hơn đối với cộng đồng dân cư trẻ đang tăng nhanh trong khu vực, cải thiện mạng an sinh xã hội và giải quyết nạn thất nghiệp.

Mặc dù chi phí tăng thêm do giá dầu và hàng hóa tăng có thể lên tới 15 tỷ USD, nhưng xu thế tăng trưởng của các nước nhập khẩu dầu lửa trong khu vực vẫn tích cực và có thể duy trì tăng trưởng 2,3%. Tuy nhiên, IMF cảnh báo rằng tăng trưởng kinh tế trong các năm qua ở Trung Đông và Bắc Phi không tạo ra đủ việc làm cho lực lượng lao động đang tăng nhanh của khu vực. Vì vậy, về ngắn hạn, các nhà hoạch định chính sách trong khu vực cần tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tạo ra nhiều việc làm đồng thời sử dụng các biện pháp kích thích kinh tế để khuyến khích phát triển các công ty vừa và nhỏ nhằm thu hút nhiều lao động, thúc đẩy chiến lược toàn diện về việc làm.

Mỗi nước cần tìm cho mình con đường phát triển riêng phù hợp với tình hình mỗi nước, nhưng cần đáp ứng một số mục tiêu chung như ổn định môi trường kinh tế vĩ mô để tạo niềm tin và hấp dẫn đầu tư, thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân để tạo ra nhiều việc làm thu hút lực lượng lao động trẻ đang tăng nhanh, đảm bảo an sinh xã hội cho những người dễ bị tổn thương về xã hội, xây dựng thể chế mạnh, có trách nhiệm và minh bạch nhằm đảm bảo quản trị tốt nền kinh tế.

## **II. DỰ BÁO ĐẦU TƯ CHO NGHIÊN VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU TRONG NĂM 2012**

### **2.1. Chi tiêu NC&PT toàn cầu: tiếp tục tăng và toàn cầu hóa được đẩy mạnh**

Theo Dự báo NC&PT Toàn cầu 2012 (*2012 Global R&D Forecast*) của Tạp chí R&D Magazine và Viện Battelle Memorial, chi tiêu cho NC&PT toàn cầu tiếp tục tăng trong năm 2012, với tốc độ tăng mạnh ở các nền kinh tế mới nổi và tăng chậm ở các nền kinh tế phát triển.

Chi tiêu cho NC&PT toàn cầu dự kiến tăng 5,2% lên 1400 tỷ USD năm 2012 theo như dự báo của Battelle and R&D Magazine. Tỷ lệ tăng này thấp hơn so với năm 2010 (6,5%), sau suy thoái kinh tế toàn cầu và nhiều nước đã dành nhiều ưu tiên hơn cho NC&PT. Phần lớn tăng trưởng trong chi tiêu cho NC&PT toàn cầu đến từ các nền kinh tế châu Á, mức tăng trưởng trong chi tiêu cho NC&PT của các nền kinh tế này dự kiến đạt 9% năm 2012, trong khi tỷ lệ này ở châu Âu là khoảng 3,5% và Bắc Mỹ là 2,8%.

Riêng tỷ lệ này ở Hoa Kỳ được dự kiến là 2,1% để đạt 436 tỷ USD đầu tư cho NC&PT năm 2012.

*Bảng 8: Tỷ trọng tổng chi tiêu NC&PT toàn cầu*

	2010	2011	2012
<b>Châu Mỹ</b>	<b>37,8%</b>	<b>36,9%</b>	<b>36,0%</b>
Hoa Kỳ	32,8%	32,0%	31,1%
<b>Châu Á</b>	<b>34,3%</b>	<b>35,5%</b>	<b>36,7%</b>
Nhật Bản	11,8%	11,4%	11,2%
Trung Quốc	12,0%	13,1%	14,2%
Ấn Độ	2,6%	2,8%	2,9%
<b>Châu Âu</b>	<b>24,8%</b>	<b>24,5%</b>	<b>24,1%</b>
Phần còn lại của thế giới	3,0%	3,1%	3,2%

*Nguồn: Battelle, R&D magazine*

*Bảng 9: Dự báo chi tiêu NC&PT toàn cầu*

	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Tổng chi tiêu cho NC&PT tính theo PPP (tỷ USD)	Tỷ lệ chi cho NC&PT theo GDP	Tổng chi tiêu cho NC&PT tính theo PPP (tỷ USD)	Tỷ lệ chi cho NC&PT theo GDP	Tổng chi tiêu cho NC&PT tính theo PPP (tỷ USD)	Tỷ lệ chi cho NC&PT theo GDP
<b>Châu Mỹ</b>	<b>473,7</b>	<b>2,3%</b>	<b>491,8</b>	<b>2,3%</b>	<b>505,6</b>	<b>2,3%</b>
Hoa Kỳ	415,1	2,8%	427,2	2,8%	436,0	2,8%
<b>Châu Á</b>	<b>429,9</b>	<b>1,8%</b>	<b>473,5</b>	<b>1,9%</b>	<b>514,4</b>	<b>1,9%</b>
Nhật Bản	148,3	3,4%	152,1	3,5%	157,6	3,5%
Trung Quốc	149,3	1,5%	174,9	1,6%	198,9	1,6%
Ấn Độ	32,5	0,8%	38,0	0,8%	41,3	0,8%
<b>Châu Âu</b>	<b>310,5</b>	<b>1,9%</b>	<b>326,7</b>	<b>1,9%</b>	<b>338,1</b>	<b>2,0%</b>
<b>Phần còn lại của thế giới</b>	<b>37,8</b>	<b>1,0%</b>	<b>41,4</b>	<b>1,1%</b>	<b>44,5</b>	<b>1,1%</b>
Tổng	1.251,9	2,0%	1.333,4	2,0%	1.402,6	2,0%

*PPP: Sức mua tương đương*

*Nguồn: R&D Magazine, Battlle*

*Bảng 10: Dự báo Tổng chi tiêu quốc gia cho NC&PT của một số nền kinh tế (Tỷ USD)*

Nước	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
	GDP tính theo PPP (tỷ USD)	Tỷ lệ chi cho NC&PT theo GDP (%)	Chi tiêu cho NC&PT (tỷ USD)	GDP tính theo PPP (tỷ USD)	Tỷ lệ chi cho NC&PT theo GDP (%)	Chi tiêu cho NC&PT (tỷ USD)	GDP tính theo PPP (tỷ USD)	Tỷ lệ chi cho NC&PT theo GDP (%)	Chi tiêu cho NC&PT (tỷ USD)
Hoa Kỳ	14.660	2,83%	415,1	15.203	2,81%	427,2	15.305	2,85%	436,0
Trung Quốc	10.090	1,48%	149,3	11.283	1,55%	174,9	12.434	1,60%	198,9
Nhật Bản	4.310	3,44%	148,3	4.382	3,47%	152,1	4.530	3,48%	157,6
Đức	2.940	2,82%	82,9	3.085	2,85%	87,9	3.158	2,87%	90,6
Hàn Quốc	1.459	3,36%	49,0	1.549	3,40%	52,7	1.634	3,45%	56,4
Pháp	2.145	2,21%	47,4	2.227	2,21%	49,2	2.282	2,24%	51,1
Anh	2.173	1,81%	39,3	2.246	1,81%	40,7	2.305	1,84%	42,4
Ấn Độ	4.060	0,80%	32,5	4.472	0,85%	38,0	4.859	0,85%	41,3
Brazil	2.172	1,10%	23,9	2.294	1,20%	27,5	2.402	1,25%	30,0
Canada	1.330	1,95%	25,9	1.387	1,95%	27,0	1.429	2,00%	28,6
Nga	2.223	1,03%	22,9	2.367	1,05%	24,9	2.491	1,08%	26,9
Italia	1.774	1,27%	22,5	1.824	1,30%	23,7	1.849	1,32%	24,4
Đài Loan	822	2,30%	18,9	883	2,35%	20,7	938	2,38%	22,3
Ôxtrâyli	882	2,21%	19,5	917	2,25%	20,6	958	2,28%	21,8
Tây Ban Nha	1.369	1,38%	18,9	1.409	1,40%	19,7	1.440	1,42%	20,4
Thụy Điển	355	3,62%	12,9	379	3,62%	13,7	398	3,62%	14,4
Hà Lan	677	1,84%	12,5	703	1,87%	13,1	720	1,90%	13,7
Thụy Sĩ	324	3,00%	9,7	338	3,00%	10,1	346	3,00%	10,4
Israel	219	4,27%	9,4	234	4,20%	9,8	246	4,20%	10,3
Áo	332	2,75%	9,1	350	2,75%	9,6	359	2,75%	9,9
Thổ Nhĩ Kỳ	960	0,85%	8,2	1.045	0,90%	9,4	1.080	0,90%	9,7
Singapo	292	2,52%	7,4	314	2,60%	8,2	331	2,65%	8,8
Bi	394	1,96%	7,7	412	2,00%	8,2	423	2,03%	8,6
Phần Lan	186	3,87%	7,2	196	3,83%	7,5	203	3,80%	7,7
Mexico	1.567	0,37%	5,8	1.663	0,38%	6,3	1.741	0,39%	6,8
Đan Mạch	202	3,02%	6,1	209	3,05%	6,4	215	3,08%	6,6
Ba Lan	721	0,68%	4,9	765	0,72%	5,5	796	0,72%	5,7
Nam Phi	524	0,93%	4,9	553	0,95%	5,3	579	0,95%	5,5
Na Uy	255	1,80%	4,6	265	1,85%	4,9	274	1,85%	5,1
C.H. Séc	261	1,53%	4,0	272	1,55%	4,2	280	1,55%	4,3
Achentina	596	0,51%	3,0	658	0,58%	3,8	695	0,61%	4,2

Bồ Đào Nha	247	1,66%	4,1	247	1,65%	4,1	245	1,67%	4,1
Malaixia	414	0,64%	2,6	445	0,70%	3,1	472	0,70%	3,3
Ai Len	172	1,77%	3,0	176	1,75%	3,1	181	1,75%	3,2
Hungary	188	1,15%	2,2	195	1,20%	2,3	201	1,20%	2,4
Indônêxia	1.030	0,10%	1,0	1.120	0,15%	1,7	1.203	0,20%	2,4
Romania	254	0,59%	1,5	263	0,65%	1,7	275	0,66%	1,8
A-rập-xê-út	622	0,10%	0,6	677	0,20%	1,4	708	0,25%	1,8
Hy Lạp	318	0,58%	1,8	314	0,55%	1,7	311	0,50%	1,6
New Zealand	118	1,18%	1,4	123	1,20%	1,5	129	1,22%	1,6

Nguồn : *Battelle, R&D Magazine*

Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU) và châu Á tiếp tục là những khu vực mạnh nhất về NC&PT, chiếm 92% tổng chi tiêu toàn cầu cho NC&PT. Tăng trưởng trong NC&PT ở các nền kinh tế mới nổi đã làm giảm tỷ lệ chi cho NC&PT của Hoa Kỳ trong tổng chi cho NC&PT toàn cầu xuống còn 31%, mặc dù Hoa Kỳ vẫn ngự trị tuyệt đối về mức đầu tư cho NC&PT và tăng cho NC&PT hàng năm.

Chi tiêu cho NC&PT của Chính phủ liên bang Hoa Kỳ năm 2012 dự báo là giảm 1,6% xuống còn 125,7 tỷ USD do ngân sách Chính phủ giảm đáng kể, trong khi tỷ lệ này của ngành công nghiệp Hoa Kỳ dự báo là tăng 3,8% để đạt 279,7 tỷ USD, tỷ lệ này cũng tăng 2,85% để đạt 12,3 tỷ USD năm 2012 đối với khu vực đại học. Ngân sách Chính phủ giảm đáng kể là nguyên nhân của việc giảm chi tiêu cho NC&PT của Chính phủ liên bang Hoa Kỳ năm 2012. Trong đó, NC&PT được tài trợ bởi Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ (DOD) giảm mạnh nhất (giảm 2,5 tỷ USD, xuống còn 75 tỷ USD năm 2012), đây cũng là năm giảm thứ 3 liên tiếp.

Mặc dù chi tiêu cho NC&PT của Chính phủ Hoa Kỳ giảm, nhưng bù lại chi tiêu cho NC&PT ngành công nghiệp lại tăng trưởng mạnh nhất trong 10 năm qua. Đó cũng là xu hướng kéo tổng mức chi tiêu cho NC&PT của Hoa Kỳ tăng hàng năm.

Một phần đầu tư cho năm 2012 của ngành công nghiệp Hoa Kỳ cho NC&PT tăng do các công ty Hoa Kỳ đầu tư vào các cơ sở nghiên cứu ở nước ngoài. Mặc dù tỷ lệ đầu tư này nhìn chung là nhỏ, nhưng nhiều công ty Hoa Kỳ đang gia tăng lợi ích từ toàn cầu hóa kinh tế và hợp tác.

Để có những khám phá khoa học, tạo nền tảng cho đổi mới sáng tạo, Hoa Kỳ dành 18% tổng chi NC&PT cho các chương trình nghiên cứu cơ bản, chủ yếu được thực hiện bởi khu vực đại học và các phòng thí nghiệm nghiên cứu công nghiệp. Việc tài trợ chủ yếu đến từ khu vực công, với mục đích là giữ vị thế lãnh đạo khoa học và nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế. Hoa Kỳ vẫn là nước đứng đầu trong hàng loạt công nghệ như hàng không vũ trụ, nông nghiệp, quan sự, vật liệu và khoa học sự sống.

Ngoại trừ Hy Lạp, tất cả các nước trong top 40 nước có mức chi tiêu cho NC&PT cao nhất vẫn dự kiến tăng chi tiêu cho NC&PT của họ năm 2012. Mặc dù gặp nhiều khó khăn

về kinh tế, nhưng Italia, Ai-len, và Bồ Đào Nha cũng đều tăng đầu tư cho NC&PT của họ. Các nước EU vẫn tiếp tục đầu tư mạnh vào NC&PT. Ngay cả các Chương trình Khung (FP-Framework Programme) của Ủy ban châu Âu (EC) cũng vẫn tăng ngân sách cho NC&PT. EC dự kiến tăng chi cho FP8 của mình vào năm 2014 lên mức 50% để đạt 15 tỷ USD mỗi năm cho các chương trình NC&PT trong khoa học cơ bản.

Trung Quốc đã trở thành quốc gia đầu tư cho NC&PT đứng thứ 2 thế giới năm 2011, vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng đầu tư cho NC&PT, dù GDP tăng trưởng mạnh.

Ba nền kinh tế mới nổi, Malaixia, Indônêxia và Arập Xêút, ban đầu đều có mức đầu tư cho NC&PT dưới 1% GDP (tỷ lệ được coi là nhỏ) đều dự kiến tăng mức đầu tư trong nhiều năm tới để hướng tới nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo.

## **2.2. NC&PT trong thế giới toàn cầu hóa**

Sự phát triển trong dài hạn dưới đây đang định hình sự phân bố NC&PT trên toàn cầu:

- Các nền kinh tế mới nổi gia tăng sự hiện diện của họ trong lĩnh vực công nghệ trên toàn cầu.
- Các vấn đề về kinh tế ở các nền kinh tế phát triển làm giới hạn khả năng hỗ trợ NC&PT của các nước này.
- Các nền kinh tế phát triển đang đánh mất những lợi thế về công nghệ độc nhất của mình.
- Tính bền vững đang trở thành ưu điểm mang tính cạnh tranh.
- Năng lượng tạo nên những cơ hội và thách thức công nghệ mới.
- Đổi mới công nghệ đang nhanh chóng tạo ra một thế giới tập trung tri thức hơn.
- Nguồn cung ứng sản phẩm và công nghệ trở thành các vấn đề công nghệ - chính trị mới.

### ***Phân cấp lĩnh vực***

Như đã đề cập xuyên suốt trong báo cáo, các nền kinh tế mới nổi đang phát triển các công nghệ sản xuất trong nước. Các công nghệ này thường trở thành đối thủ cạnh tranh và đôi khi vượt qua các nền kinh tế đã phát triển vững vàng. Có được nguồn lợi nhuận dồi dào từ các sản phẩm có giá trị cao, chi phí sản xuất thấp, sản xuất cho các nền kinh tế phát triển, các nền kinh tế mới nổi này đang từ từ tăng cường đầu tư hàng năm cho cơ sở hạ tầng NC&PT, giáo dục và sở hữu trí tuệ. Mười năm trước, các nền kinh tế phát triển đã tiến hành toàn cầu hóa năng lực sản xuất tới các nền kinh tế đang lên, khi hoạt động NC&PT còn khá ổn định. Sau 5 năm, các nền kinh tế phát triển đã bắt đầu quan tâm tới các vấn đề về thuê nhân công NC&PT bên ngoài với việc giải thích duy lý được khẳng định là để hỗ trợ phát triển thị trường địa phương tại các nền kinh tế đang lên. Ngày nay, các nền kinh tế này đang nhận ra nỗ lực toàn cầu hóa của họ đã gây nên những tác động xấu trong việc tạo ra sự thâm hụt cán cân mậu dịch, dẫn tới mức sử dụng năng lượng cao và gia tăng chi tiêu chính phủ. Sự thâm hụt này làm giới hạn khả năng đầu tư vào cơ sở hạ tầng và hạn chế phát triển trong dài hạn.

Thậm chí, hiện nay sự toàn cầu hóa còn đang mở rộng tới một số nền kinh tế ít phát triển hơn như Malaixia, Ả Rập Xêút, Indônêxia, Thái Lan, Việt Nam, Mexico và các nước đang tăng chi tiêu cho NC&PT và cơ sở hạ tầng. Cách nhanh nhất để tạo ra năng lực phát triển dài hạn là xây dựng một cơ sở hạ tầng NC&PT vững mạnh. Giữa những xu thế phát triển mới đang được thiết lập là những hạn chế tác động lên các thị trường thương mại và nguồn lực sẵn có trước đây. Các ví dụ được kể đến của những hạn chế này là việc hạn chế xuất khẩu kim loại hiếm của Trung Quốc khiến nước này gần như trở thành độc quyền và sự phát triển của các nguồn sản phẩm công nghệ cao bao gồm máy bay thương mại, tàu cao tốc và tàu vũ trụ cũng như các phi thuyền.

### ***Hạn chế về nợ***

Như một kết quả trực tiếp, các vấn đề kinh tế nan giải phát sinh do nợ của Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản khiến việc thiết lập NC&PT và cả việc phát triển kinh tế đất nước trong ngắn và dài hạn rơi vào tình trạng nguy hiểm. Năm 2012, cả 3 nước và khu vực này sẽ phải đấu tranh để tăng tổng ngân sách cho NC&PT lên 2-3%. Trong khi Trung Quốc một lần nữa dễ dàng tăng đầu tư cho NC&PT của lên hơn 10%; Ấn Độ và Braxin cũng tăng chi tiêu cho NC&PT gần 8% và thậm chí Nga cũng hy vọng sẽ tăng chi tiêu cho NC&PT hơn 7%.

Cần lưu ý rằng Hoa Kỳ chi cho NC&PT nhiều hơn tất cả các nước khác nhưng sự chênh lệch về % kể trên đã liên tục tiếp diễn trong 5 năm qua và phản ánh viễn cảnh tăng trưởng công nghệ mà ở đó có thể hy vọng rằng Trung Quốc và Ấn Độ sẽ rút ngắn khoảng cách trong tương lai. Viễn cảnh đầu tư NC&PT toàn cầu của các nền kinh tế đang lên và các nền kinh tế đã phát triển vững vàng trong 5 năm tới cũng không chỉ ra được tình huống đáng kể nào có thể thay đổi các xu hướng này.

### ***Đánh mất thế thống trị***

Hoa Kỳ và các nền kinh tế phát triển khác có một số lượng lớn ngành công nghiệp công nghệ cao phát triển tốt. Các ngành công nghiệp này chiếm ưu thế trong bức tranh NC&PT toàn cầu. Một số ngành công nghiệp được các trường đại học chất lượng cao của các nước này hỗ trợ và duy trì, nhiều ngành giữ vững vị trí trong hơn một thế kỷ. Các ngành công nghiệp khác bị chi phối bởi các công ty dẫn dắt thị trường như Intel, Microsoft, Google, Apple, và Cisco trong thị trường công nghệ thông tin. Vẫn còn các ngành công nghiệp khác như hàng không vũ trụ và công nghiệp quốc phòng bị chi phối bởi sự hỗ trợ của chính phủ, ví dụ như các hãng Boeing, Air-bus, Lockheed Martin và các tên tuổi khác.

Tuy nhiên trong các ngành công nghiệp như hóa chất, kim loại và thép, quang điện, năng lượng hạt nhân, thực phẩm, dệt may, năng lực sản xuất lại bị rơi vào tay các nền kinh tế đang lên, cùng với toàn bộ NC&PT, công nghệ và các yếu tố của sở hữu trí tuệ. Ngoài ra vẫn còn các ngành khác, bao gồm cả dược phẩm (chỉ 10 năm trước vẫn còn bị các hãng của Hoa Kỳ chi phối), siêu máy tính, ô tô, phần mềm và polyme vẫn ở trong trạng thái chuyển tiếp chưa được phân định giữa các nền kinh tế.

### ***Tính bền vững***

Thực tế hiển nhiên là chúng ta sống trong một thế giới với hơn 7 tỷ người, nguồn lực tài chính và nguồn nguyên vật liệu có hạn, biến đổi môi trường toàn cầu và ô nhiễm xuất hiện ở khắp mọi nơi trên hành tinh. Để tạo ra môi trường sống và làm việc bền vững đều cần tới NC&PT trong tất cả các lĩnh vực.

Năm năm trước, phương pháp tiếp cận bền vững có thể chỉ được xem xét để trở thành một “thành phố hoàn hảo”, nhưng hiện nay nó được coi là một viễn cảnh hoạt động cần thiết cho dù các hợp phần bền vững chưa được luật pháp quy định trực tiếp nhưng sẽ sớm được đưa vào luật.

Tuy nhiên, những đòi hỏi về tính bền vững đặt ra ở các nền kinh tế phát triển thường khác các nền kinh tế đang lên. Trong ngắn hạn, sự chênh lệch này tạo ra bất lợi về chi phí tiềm tàng đối với các nước phát triển và tạo ra thuận lợi cho các nước đang phát triển. Ngoài ra, sự khác biệt về chi phí tuyệt đối giữa các sản phẩm bền vững và sản phẩm không bền vững cũng như quá trình hoạt động sử dụng các vật liệu và công nghệ mới đã được giải quyết bởi NC&PT, nhưng trong ngắn hạn các hoạt động không bền vững vẫn có chi phí rẻ hơn.

### ***Sử dụng năng lượng***

Mặc dù lượng tiêu thụ năng lượng của Hoa Kỳ phù hợp với thị phần GDP của nước này trên thế giới, nhưng theo đầu người, một gia đình tại Hoa Kỳ tiêu thụ năng lượng nhiều hơn đáng kể so với các nước còn lại của thế giới. Tại Hoa Kỳ, mỗi người sử dụng năng lượng tương đương với 57 thùng dầu/năm trong khi một người Trung Quốc sử dụng 10 thùng, con số này tại Nhật Bản là 30 thùng và tại Mexico là 12 thùng. Lượng dầu nhập khẩu vào Hoa Kỳ đã giảm nhẹ hàng năm trong nhiều năm qua, cùng với việc phát triển tăng lên của dầu và khí ga tự nhiên, chứng tỏ việc phụ thuộc vào năng lượng tái tạo. Với các kế hoạch đang triển khai trong nước, Hoa Kỳ đã trở thành nước xuất khẩu năng lượng tinh vào năm 2011. Các kế hoạch này bao gồm việc xuất khẩu than, khí ga cho Trung Quốc, việc tăng cường phát triển nguồn khí từ đá phiến tại vùng các đồng bằng phía Bắc Mỹ; và tăng NC&PT trong năng lượng nhiên liệu sinh học, quang điện và tua bin gió.

Các kế hoạch khai thác năng lượng của Hoa Kỳ được tiến hành nhằm đáp ứng dù chỉ một phần tỷ lệ công bằng trong sử dụng các nguồn năng lượng có sẵn của các nước còn lại trên thế giới.

### ***Vòng xoáy công nghệ***

Sự phát triển công nghệ đã tạo ra dòng chảy công nghệ mới tăng nhanh chưa từng thấy. Điều này được thấy rất rõ trong các ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin - truyền thông, với việc Apple, Intel và các công ty khác đang lập kế hoạch đưa ra thị trường sản phẩm mới dựa trên sự phát triển đã được dự kiến và sản xuất có hiệu quả các sản phẩm mới đồng thời tăng cường các công nghệ cải tiến sản phẩm. Sự phát triển công nghệ kéo theo một loạt công nghệ mới cũng được thấy rõ trong lĩnh

vực y sinh học như thực hành y học và cải thiện công nghệ, nhưng quy mô không giống như ngành công nghiệp công nghệ thông tin.

Vì các tổ chức NC&PT vốn đã tham gia vào sự phát triển của các công nghệ mới này, xu hướng trên sẽ giúp các nền kinh tế phát triển thiết lập quy mô thời gian cho sản phẩm và sớm nhận biết được các vấn đề tiềm tàng. Các chu kỳ công nghệ diễn ra nhanh chóng không dễ dàng đối với các nền kinh tế đang phát triển. Khi các nước đang phát triển giải quyết các vấn đề phát sinh trong các chu kỳ công nghệ diễn ra nhanh chóng và khi tính toán để giải quyết các vấn đề phát triển sản phẩm điển hình, công nghệ đó có thể được chuyển đổi sang một hệ điều hành khác, một giao thức hệ thống khác hay quy chuẩn điều chỉnh khác. Cánh cửa cơ hội của công nghệ đó có thể bị bỏ lỡ và toàn bộ các thể hệ của công nghệ mới có thể bị xóa bỏ.

### ***Một vũ khí mới?***

Xuyên suốt dòng lịch sử, việc nắm giữ các vật liệu thiết yếu thường được sử dụng như một vũ khí kinh tế để tạo ra lợi thế cạnh tranh không công bằng cho sản phẩm. Các bằng sáng chế, giấy phép công nghệ và các hợp đồng sản xuất được tạo ra để phục vụ các tình huống như vậy. Các công ty phụ thuộc vào Trung Quốc như là nguồn cung cấp các kim loại hiếm duy nhất cho sản phẩm công nghệ cao của họ hiện đang bị cản trở bởi sự hạn chế xuất khẩu gần đây. Các công ty ô tô của Nhật phụ thuộc và các nhà cung cấp duy nhất cũng đã rơi vào tình trạng tương tự khi trận động đất kéo theo thảm họa sóng thần đã làm vô hiệu hóa mạng lưới nhà cung cấp mỏng manh của họ.

Trong một mạng lưới toàn cầu, việc thiếu hụt các nguyên liệu cần thiết có thể phá hỏng chuỗi cung cấp ở cả khâu sản xuất và khâu NC&PT. Việc mất hàng ngàn con chuột thí nghiệm nuôi trong các tầng hầm bị ngập nước tại trung tâm nghiên cứu y học tại Houseton trong suốt trận bão nhiệt đới Allison năm 2001 đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho các chương trình NC&PT đặc biệt, Những thiệt hại này phải mất nhiều năm sau đó để phục hồi lại.

Nói chung, NC&PT toàn cầu cần phải thúc đẩy công nghệ hướng tới giảm thiểu chi phí và tạo ra chất lượng cũng như giá trị lớn hơn cho người sử dụng. Toàn cầu hóa sẽ đem lại những thay đổi và sẽ phung phí cho những ai không được chuẩn bị một cách thích hợp để đối diện với biến đổi.

### **2.3. Hoa Kỳ: NC&PT tăng trưởng ổn định**

Mặc dù có giảm đôi chút về tốc độ tăng trưởng đầu tư cho NC&PT do những khó khăn về kinh tế, nhưng nhìn chung đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ năm 2012 vẫn ổn định và dự báo sẽ ở mức tăng trưởng 2%, để đạt 436 tỷ USD (so với 427,2 tỷ USD năm 2011).

Về quan hệ nguồn đầu tư - chủ thể thực hiện NC&PT, theo Quỹ Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ (NSF), có 4 nguồn đầu tư NC&PT chính: Chính phủ, ngành công nghiệp, các trường đại học, và các tổ chức phi chính phủ. Các trung tâm NC&PT được Chính phủ liên bang tài trợ (FFRDC) nhận được phần lớn tài trợ từ Chính phủ liên bang để thực



hiện các chương trình. Một số FFRDC chính chủ yếu là các phòng thí nghiệm quốc gia thuộc Bộ Năng lượng. Ngoài ra, các FFRDC còn hợp tác với khu vực tư nhân để thực hiện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

*Bảng 11 : Phân bổ dự kiến của các quỹ NC&PT của Hoa Kỳ năm 2012 (đơn vị: triệu USD và tỷ lệ % thay đổi so với năm 2011)*

Nguồn tài trợ	Chủ thể/khu vực thực hiện NC&PT					
	Chính phủ liên bang	Các trung tâm NC&PT được Chính phủ liên bang tài trợ (FFRDC)	Ngành công nghiệp	Khu vực đại học	Các tổ chức phi lợi nhuận	Tổng
Chính phủ liên bang	29.152 -2,51%	14.666 -3,69%	37.577 -2,42%	37.440 0,93%	6.817 -2,29%	125.652 -1,61%
Ngành công nghiệp		202 2,20%	273.487 3,37%	3.868 26,49%	2.129 8,89%	279.685 3,75%
Khu vực đại học				12.318 2,85%		12.318 2,85%
Chính quyền bang				3.817 2,72%		3.817 2,72%
Các tổ chức phi lợi nhuận				3.491 2,70%	11.055 2,70%	14.546 2,70%
Tổng	29.152 -2,51%	14.868 -2,36%	311.063 2,63%	60.934 2,85%	20.001 1,55%	436.018 2,07%

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

Chi tiêu cho NC&PT của ngành công nghiệp sẽ đạt 280 tỷ USD năm 2012, tăng 3,7% so với năm 2011 (270 tỷ USD). Chiếm 64% tổng chi cho NC&PT, khu vực công nghiệp tư nhân là nguồn tăng trưởng chính của NC&PT, nhất là nghiên cứu ứng dụng và phát triển. Gần 10 tỷ USD tăng thêm của chi tiêu cho NC&PT đến từ các doanh nghiệp từ năm 2011 đến 2012. Chi tiêu của ngành công nghiệp cho các trung tâm FFRDC sẽ tăng 2,2%, đạt 0,2 tỷ USD.

*Bảng 12: Các nguồn chi chính cho NC&PT của Hoa Kỳ (Tỷ USD)*

Năm	Ngành công nghiệp	Chính phủ liên bang	Khu vực đại học và các nguồn khác
2012	280	126	31
2011	270	128	30
2010	259	127	29

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

Ngoài chi cho NC&PT của khu vực công nghiệp và Chính phủ, các nguồn đầu tư khác cũng đáng kể cho thực hiện NC&PT, nhất là khu vực đại học. Các nguồn tài trợ của khu vực đại học và các tổ chức phi lợi nhuận (đặc biệt là các quỹ) cung cấp lần lượt là 12,3 tỷ USD và 14,5 tỷ USD cho nghiên cứu.

*Bảng 13: Khu vực thực hiện NC&PT chính của Hoa Kỳ (tỷ USD)*

Năm	Ngành công nghiệp	Chính phủ liên bang/các trung tâm FFRDC	Khu vực đại học	Khu vực phi lợi nhuận
2012	311	29	61	35
2011	303	30	59	35
2010	293	31	56	35

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

Đối với khu vực thực hiện NC&PT, đáng chú ý là khu vực công nghiệp, có thể đạt mức 311 tỷ USD năm 2012, tăng 2,6 tỷ so với dự đoán năm 2011 là 303 tỷ USD. Phần lớn chi tiêu cho thực hiện NC&PT thuộc nội bộ ngành công nghiệp, chiếm 88% tổng chi cho NC&PT của ngành công nghiệp. Khu vực công nghiệp cũng sẽ nhận được 37,6 tỷ USD từ Chính phủ liên bang, chiếm 12% tổng đầu tư trong khu vực công nghiệp cho NC&PT, tỷ lệ này giảm 2,4% giảm 2,4% so với năm 2011, do chi tiêu cho nghiên cứu của Bộ Quốc phòng giảm.

*Bảng 14: Tỷ lệ chi tiêu cho các loại hình NC&PT và khu vực thực hiện*

NC&PT	Tỷ lệ trong tổng chi tiêu cho NC&PT	Thực hiện NC&PT				Tổng
		Ngành công nghiệp	Chính phủ liên bang	Khu vực đại học	Khu vực phi lợi nhuận	
Nghiên cứu cơ bản	18%	20%	7%	60%	13%	100%
Nghiên cứu ứng dụng	22%	72%	8%	13%	7%	100%
Phát triển	60%	91%	6%	1,5%	1,5%	100%
Tổng NC&PT	100%	72%	8%	16%	4%	

*Nguồn: NSF, 2008 National Patterns*

Nguồn vốn cung cấp cho nghiên cứu của khu vực đại học vẫn được đặt ưu tiên cho nghiên cứu cơ bản và ứng dụng. Chi cho NC&PT được thực hiện bởi khu vực đại học sẽ tăng hơn 2,8% năm 2012, đạt 60,9 tỷ USD. Chi của Chính phủ liên bang cho NC&PT của khu vực này sẽ tăng dưới 1% để đạt 37,4 tỷ USD năm 2012. Nguồn cung cấp vốn thứ 2 sau Chính phủ liên bang cho NC&PT của khu vực này là các quỹ của các tổ chức trong khu vực đại học. Nguồn đầu tư từ ngành công nghiệp cho thực hiện NC&PT của khu vực đại học sẽ đạt 3,9 tỷ USD năm 2012.

Nguồn vốn cho thực hiện NC&PT của các tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận sẽ tăng 1,6%, đạt 20 tỷ USD năm 2012. Chi tiêu cho NC&PT của Chính phủ liên bang cho khu vực này cũng sẽ giảm như nhiều khu vực khác, mức giảm sẽ là 2,3%. Tuy nhiên, bù lại khu vực này lại nhận được sự đầu tư gia tăng hơn từ ngành công nghiệp (tăng 8,9%) và từ các nguồn khác (tăng 2,7%).

#### **2.4. Châu Á: trung tâm của tăng trưởng NC&PT**

Nhiều người gọi là thế kỷ này là Thế kỷ châu Á vì khu vực này có tốc độ phát triển nhanh về kinh tế, dân số và công nghệ và các xu hướng phát triển được dự báo cho một số thập kỷ tiếp theo. Châu Á có GDP theo khu vực cao nhất thế giới với tỷ lệ hiện nay chiếm gần 38%, tăng khoảng 1%/năm. Dân số ở châu Á sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng GDP mà theo dự kiến gần 2/3 dân số thế giới sống ở khu vực này vào năm 2025. Ngoài ra, với sự gia tăng mạnh chi tiêu dành cho NC&PT hàng năm của Trung Quốc, năm 2012, tỷ lệ đầu tư cho NC&PT của châu Á trên tổng số đầu tư cho NC&PT của thế giới sẽ vượt qua Hoa Kỳ, nước dẫn đầu thế giới hiện vẫn đang gia tăng đầu tư cho NC&PT. Sự gia tăng NC&PT phản ánh việc chi tiêu của các công ty trong nước và nước ngoài cùng với mức chi tiêu công.

Việc tăng kinh phí cho NC&PT ở châu Á cũng phản ánh số lượng các nhà khoa học và kỹ sư từ hệ thống giáo dục đang phát triển của khu vực này. Tổng số nhà nghiên cứu của Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc và Singapo đã tăng từ 16% trong tổng số các nhà nghiên cứu trên toàn cầu vào năm 2003 lên 31% năm 2007. Trong cùng thời kỳ, ở Hoa Kỳ, tỷ lệ này giảm từ 51% xuống còn 49% và Nhật Bản giảm từ 17% xuống 12%.

Tỷ lệ công bố các báo cáo và bài báo khoa học cũng tăng với tốc độ tăng hàng năm của 8 nước lớn nhất châu Á là khoảng 9%/năm và 16% ở Trung Quốc, trong đó tỷ lệ này ở Hoa Kỳ và châu Âu chỉ khoảng 1%/năm.

ASEAN+6 gồm các thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) bao gồm Ấn Độ, Malaixia, Philipin, Singapo, Thái Lan, Brunei, Miama, Campuchia, Lào và Việt Nam; và 6 nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ôxtrâyliya và New Zealand - hiện là khối kinh tế lớn nhất thế giới, đã xây dựng các thỏa thuận thương mại tự do liên châu Á đang thúc đẩy EU và Hoa Kỳ cân nhắc lại các thỏa thuận thương mại của riêng họ.

Nhật Bản là thành viên của cộng đồng châu Á, là nước có nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới (trước đây nước này xếp ở vị trí số 2 nhưng đến năm 2010 đã bị Trung Quốc vượt qua) và có tổng đầu tư cho NC&PT cao thứ 3 (Trung Quốc vượt qua vào năm 2011). Cơ sở hạ tầng NC&PT của Nhật Bản cũng sánh ngang với Hoa Kỳ và châu Âu với

khoản đầu tư liên tục cho NC&PT chiếm khoảng 3,3% GDP, tỷ lệ cao hơn so với Hoa Kỳ và tất cả các nước khác trên thế giới ngoại trừ Israel. Tất nhiên, Nhật Bản đã vấp phải những thách thức ở quy mô quốc gia gây ảnh hưởng đến toàn bộ khả năng tăng thêm các khoản đầu tư cho công nghệ của quốc gia này.

*Bảng 15: Tỷ lệ các doanh nghiệp Hoa Kỳ hợp tác NC&PT với các nước châu Á*

Nước	Tỷ lệ
Trung Quốc	16%
Nhật Bản	7%
Ấn Độ	5%
Hàn Quốc	3%

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine Survey*

Đầu tiên, nền kinh tế nước này bị đình trệ từ đầu những năm 1990 cho đến nay. Sau đó là sự thay đổi nhân khẩu học trong dân số với tỷ lệ lớn người cao tuổi. Cuối cùng là các trận động đất, sóng thần năm 2011 và kết quả là các vấn đề về nhà máy hạt nhân diễn ra đã làm gián đoạn hoạt động sản xuất và nghiên cứu cũng như cơ sở hạ tầng quốc gia. Tuy nhiên, nước này vẫn tiếp tục đầu tư chứng tỏ Nhật Bản thừa nhận giá trị ở cả việc phát triển sản phẩm trước mắt và lâu dài.

Các nền kinh tế châu Á mới nổi, quy mô nhỏ hơn công nhận giá trị vốn có của việc xây dựng cơ sở hạ tầng NC&PT đã đưa ra những cam kết vững chắc để xây dựng năng lực NC&PT của nước mình. Ví dụ, trong số 16 thành viên ASEAN+6 có 9 thành viên nằm trong danh sách 40 nước chi tiêu cho NC&PT nhiều nhất.

Từ năm 1996-2007, sự gia tăng đầu tư cho NC&PT trung bình mỗi năm tại ít nhất 7 trong số 16 nền kinh tế thuộc ASEAN +6 (Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Singapo, Malaixia và Trung Quốc) đã vượt qua Hoa Kỳ, EU-27 và thậm chí cả Nhật Bản. Các xu hướng chi tiêu này sẽ tiếp diễn ít nhất là đến năm 2020.

Cùng với việc tăng tổng đầu tư cho NC&PT, các nước châu Á mới nổi đang khuyến khích các tổ chức trong và ngoài nước tiến hành nghiên cứu trên lãnh thổ của quốc gia. Chẳng hạn như Indônêxia đã quy định các khoản trợ cấp bao gồm khuyến khích thuế, khuyến khích thương mại hoặc hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp, dù là công ty tư nhân, công ty nhà nước hoặc công ty liên doanh cũng phải dành một phần lợi nhuận cho nghiên cứu. Indônêxia đặt mục tiêu lâu dài là tăng đầu tư cho NC&PT từ gần 1% GDP lên 3%.

Nhiều nước châu Á liên tục tăng đầu tư hàng năm từ 8% lên 10%. Đài Loan là ví dụ tiêu biểu về phụ thuộc vào đổi mới để phát triển. Mặc dù thiếu tài nguyên thiên nhiên và liên tục xảy ra các thảm họa tự nhiên như động đất và bão lụt, nhưng Đài Loan vẫn cần mức đầu tư này để tránh tụt hậu trong khu vực châu Á cũng như trên thế giới.

#### *Giảm nguy cơ*

Hợp tác với các tổ chức nghiên cứu ở các nước khác tỏ ra có lợi cho các nền kinh tế mới nổi ở châu Á cũng như cho các công ty ở các nền kinh tế phát triển. Mới đây, Hàn

Quốc và Hoa Kỳ đã nhất trí hợp tác triển khai nghiên cứu trong các hệ thống giao thông xanh, các công nghệ lưới điện thông minh, hiệu suất năng lượng, năng lượng tái tạo và các hệ thống tích trữ năng lượng. Hy vọng việc trao đổi nghiên cứu khoa học và kỹ thuật sẽ xúc tiến và đẩy mạnh các dự án nghiên cứu và phát triển chung thông qua các cơ sở hoạt động có tổ chức và hợp tác song phương trực tiếp.

Sáng kiến chung và các mối quan hệ kinh tế tăng cường sẽ thúc đẩy sự phát triển của các nhà sản xuất pin lithium ở Hàn Quốc đã gia tăng thị phần và cạnh tranh với Nhật Bản, nước dẫn đầu thế giới về công nghệ pin lithium. Thú vị hơn, một số quỹ đầu tư ra đời từ Đạo luật phục hồi và tái đầu tư của Hoa Kỳ để hiện đại hóa lưới điện được cấp 4,5 tỷ USD cùng với 185 triệu USD cho tích trữ năng lượng và trình diễn. Chính phủ Trung Quốc cũng đã triển khai kế hoạch khuyến khích lâu dài để đầu tư cho các dự án công nghệ lưới điện thông minh và cơ sở hạ tầng điện năng.

Ngoài ra, Hoa Kỳ đang hợp tác với Ấn Độ để phát triển các công nghệ sạch bằng cách xây dựng trung tâm NC&PT chung, trung tâm đầu tiên của Bộ năng lượng Hoa Kỳ với nước ngoài. Hoạt động NC&PT tại đây tập trung vào xây dựng các hệ thống năng lượng mặt trời hiệu quả và chế tạo các nhiên liệu sinh học tiên tiến. Những lo ngại rõ ràng cần phải khắc phục trong chương trình này, đặc biệt ở đó Chính phủ hiện đang hạn chế tìm nguồn cung ứng các hệ thống năng lượng mặt trời cho Ấn Độ từ nước ngoài. Khắc phục những hạn chế này là vấn đề quan trọng đối với Ấn Độ vì nhu cầu năng lượng của nước này ước tính sẽ tăng 40% từ 23,8 nghìn triệu BTU năm 2010 lên 33,1 nghìn triệu BTU vào năm 2020.

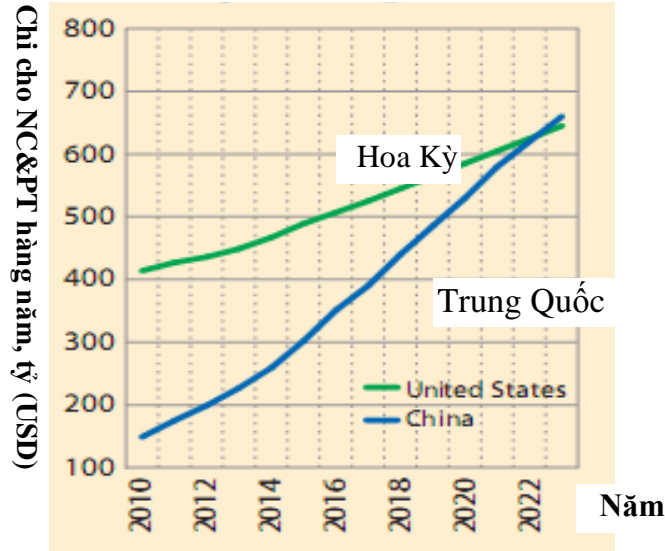
Về phần mình, Trung Quốc đã có hàng nghìn mối quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ, chủ yếu với EU và các nước thành viên trong lĩnh vực NC&PT bao gồm ô tô, hàng không vũ trụ, dược phẩm, vật liệu, điện tử và nghiên cứu cơ bản.

#### *Malaixia và Indônêxia*

Malaxia và Indônêxia là các nước mới được Battelle và R&D Magazine đưa vào danh sách 40 nước trên toàn cầu chi tiêu nhiều cho NC&PT. Mặc dù cả hai quốc gia này đầu tư tương đối ít cho NC&PT (Malaixia dành 0,7% GDP, Indônêxia 0,2%), nhưng các nước này đã xác định NC&PT là động lực chính để phát triển kinh tế của đất nước. Malaixia đang dựa vào công nghệ hoặc được phát triển trong nước hoặc nhập khẩu để thu được giá trị kinh tế thặng dư từ nguồn tài nguyên thiên nhiên to lớn của nước này. Malaixia đã lựa chọn công nghệ sinh học là lĩnh vực chiến lược chủ chốt cho phát triển và đầu tư và đã thành lập Tổng công ty công nghệ sinh học Malaixia để hỗ trợ những nỗ lực này. Là nước có nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á và dân số đông thứ tư thế giới, Indônêxia, một thành viên của các nền kinh tế lớn G-20 cũng đã xem NC&PT như là động lực chủ yếu thúc đẩy kinh tế. Những nỗ lực cho NC&PT của quốc gia này đã bị giảm sút sau cuộc khủng hoảng tài chính ở Indônêxia vào những năm 1990 và hầu như không tăng lên kể từ sau đó. Tuy nhiên, Tổng thống Yudhoyono đã nhấn mạnh, đầu tư hiện nay cho NC&PT gấp hai lần so với cách đây 5 năm và Chính phủ sẽ tiếp tục nâng tỷ lệ ngân sách cho NC&PT lên hơn 1% GDP.

## 2.5. Đà tăng trưởng NC&PT của Trung Quốc

Hình 2: Chi cho NC&PT hàng năm của Hoa Kỳ và Trung Quốc



Năm 2023 chi tiêu cho NC&PT của Trung Quốc được dự báo là sẽ vượt Hoa Kỳ, nếu tăng trưởng cho chi tiêu NC&PT của Trung Quốc tiếp tục tăng trung bình 11,5% hàng năm và tỷ lệ này của Hoa Kỳ là 4% hàng năm trong vòng 13 năm tới.

Các phương tiện truyền thông dường như được lấp đầy với hai quan điểm về năng lực NC&PT của Trung Quốc: (1) bình luận trên các thành tựu công nghệ của nước này; (2) nỗ lực nhằm đưa những thành tựu vào dự đoán tương lai. Thực tế, Trung Quốc đã thực hiện được nhiều hơn trong vòng thập kỷ qua. Chi tiêu cho NC&PT của Trung Quốc tăng đều từ khoảng 0,6% GDP năm 1995 tới 1,6% vào năm 2011. Tỷ lệ % chi cho NC&PT là tỷ lệ duy trì khá ổn định trong vòng 5 năm đối với Hoa Kỳ (2,7%), Nhật Bản (3,2%) và Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD (2,2%).

Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng đều đặn khoảng 9-10% trong vài năm gần đây, đầu tư cho NC&PT của nước này tăng hàng năm khoảng 12% - gấp 7 lần tỷ lệ tăng trong đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ vài năm trước, Trung Quốc đã công bố mục tiêu tăng chi tiêu cho NC&PT bằng 2,5% GDP vào năm 2020. Tuy nhiên, GDP của nước này đang tăng đủ nhanh, thậm chí với sự gia tăng ấn tượng trong % chi tiêu cho NC&PT, con số đầu tư hiện tại đã vượt qua mục tiêu mà Trung Quốc đã đề ra.

### *Nhiều tiến bộ về vốn trí tuệ*

Theo một báo cáo của Thomson Reuter, Trung Quốc đang gặt hái được một thành quả đáng kể về vốn trí tuệ, được đo bằng tổng số bằng sáng chế, số bài báo và tạp chí khoa học được xuất bản. Nhật Bản chiếm vị trí đầu bảng (chiếm 35%) và Hoa Kỳ chiếm vị trí thứ 2 (27%) về số lượng bằng sáng chế được đăng ký đồng thời ở ba khu

vực (ở các văn phòng sáng chế của châu Âu, Hoa Kỳ và Nhật Bản), Hàn Quốc và Trung Quốc (nước đồng quản lý 75% tổng số bằng sáng chế trên toàn thế giới). Tuy nhiên, Trung Quốc đã tăng dần số lượng bằng sáng chế do các văn phòng kể trên cấp, dẫn tới số lượng bằng sáng chế của nước này gấp đôi số lượng bằng sáng chế cấp cho châu Âu và Hàn Quốc, những nước có cùng vị trí xếp hạng với Trung Quốc 5 năm trước.

Danh mục sáng chế công nghệ của Trung Quốc tương tự như các nước cấp bằng sáng chế chủ yếu khác. Nhật Bản, Hoa Kỳ, châu Âu, và Hàn Quốc có tỷ lệ bằng sáng chế giống nhau trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ nghe nhìn, thiết bị điện tử, thực phẩm tiêu dùng, dụng cụ phân tích, nông nghiệp, viễn thông, công nghệ hóa chất. Nhật Bản và Hoa Kỳ giành nhau hai vị trí dẫn đầu trong các lĩnh vực trên, trừ lĩnh vực công nghệ hóa chất do Hoa Kỳ dẫn đầu và Trung Quốc đứng vị trí thứ hai. Về phần mình, Trung Quốc tập trung các sáng chế vào các lĩnh vực (xếp theo thứ tự giảm dần) máy vi tính kỹ thuật số, điện thoại, hệ thống truyền dữ liệu, phát thanh, vô tuyến, các sản phẩm tự nhiên, polyme và vật liệu điện hữu cơ, phi hữu cơ.

Chính phủ Trung Quốc đã cung cấp một môi trường thuận lợi cho việc gia tăng số lượng sáng chế bằng cách cho phép khấu trừ thuế lớn hơn và dễ dàng hơn đối với những chi tiêu NC&PT, tăng nguồn hỗ trợ vốn vay từ chính phủ, giảm lãi suất chiết khấu cho các đầu tư vào NC&PT. Ngoài ra, chính quyền thành phố địa phương cũng tài trợ khoản tiền lớn cho chủ sở hữu của các sáng chế đã đăng ký thành công ở nước ngoài, với số tiền đăng ký phải trả ít hơn số tiền đăng ký tại Trung Quốc.

Đồng thời, số lượng bằng sáng chế cũng nói lên một câu chuyện của riêng nước này. Tranh cãi về chiều sâu của sáng chế mang tính điển hình của sáng chế ở Trung Quốc. Báo cáo tháng 8/2011 trên tạp chí Phố Wall cho biết, hơn 95% đơn xin cấp bằng sáng chế của Trung Quốc được trình lên Văn phòng Sở hữu Trí tuệ Nhà nước, với phần lớn đổi mới sáng tạo chỉ là những thay đổi nhỏ trên các bản mẫu đã có. Báo cáo cũng chỉ ra rằng số bằng sáng chế được đăng ký bên ngoài lãnh thổ ít hơn số bằng sáng chế được đăng ký trong nước.

### ***Công bố khoa học***

Năng lực nghiên cứu quốc gia là nhân tố then chốt trong việc lên kế hoạch năng lực và kinh phí NC&PT trong tương lai, cũng như khả năng cạnh tranh NC&PT trên toàn cầu. Trong đó công bố khoa học là chỉ số quan trọng hàng đầu hiện nay.

Viện Hàn Lâm Khoa học Trung Quốc (CAS) có vị trí tương đương với Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ trong việc hỗ trợ nghiên cứu tại Trung Quốc. Được thành lập năm 1949, CAS hiện có 54.600 viện sĩ với các trụ sở nhánh tại 11 thành phố và hơn 100 viện trực thuộc trên khắp cả nước Trung Quốc. CAS là tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ lớn nhất thế giới với gần 100.000 nhân viên, kỹ thuật viên và sinh viên nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng. Theo tạp chí Nature, tạp chí khoa học xuất bản hàng tuần trên thế giới, mặc dù sự cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng tăng, nhưng CAS vẫn đang đóng góp nhiều nghiên cứu cơ bản hơn bao giờ hết.

Trung Quốc đã tăng số lượng đầu ra các bài báo khoa học lên tới hơn 120.000 bài mỗi năm, chỉ đứng sau Hoa Kỳ (340.000 bài). Năm 2006, về số bài báo khoa học, Trung Quốc

đã vượt qua Nhật Bản, Anh, Đức (các nước có số lượng bài báo khoa học ổn định khoảng 80.000 bài/năm). Đã có những nỗ lực được Chính phủ Trung Quốc công bố nhằm hiệu chỉnh các tiêu chuẩn xuất bản mang tính hàn lâm sao cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn của phương Tây. Theo Li Dongdong, Phó Cục trưởng Cục Quản lý Báo chí và Xuất bản (GAPP), trình độ hàn lâm chưa cao trong hầu hết các tạp chí khoa học của nước này. GAPP có nhiệm vụ quản lý các xuất bản phẩm của Trung Quốc. Theo báo cáo của Elsevier, Trung Quốc xuất bản khoảng 4.700 tạp chí xuất bản định kỳ và mặc dù số lượng được xếp hạng thứ hai nhưng nước này chỉ xếp hạng cuối trong danh sách các quốc gia có bài viết được trích dẫn, với trung bình chỉ đạt 1,5 trích dẫn/bài viết.

Những khuyến khích đối với các chủ sở hữu bằng sáng chế nêu trên cũng được áp dụng cho tác giả đứng tên đầu tiên của một bài báo khoa học có ít nhất 15 trích dẫn. Kích lệ này trị giá tương đương với 47.000 USD, nhưng chưa tạp chí Trung Quốc nào đạt được mục tiêu này.

### ***NC&PT > Thương mại hóa > Đổi mới***

Thương mại hóa hiệu quả là hết sức cần thiết để thiết lập nguồn vốn bền vững cho NC&PT và để đạt được các kỳ vọng hiện tại về sự hoàn vốn đầu tư vào NC&PT. Thực tế, nguồn vốn thương mại hóa là một phần tự nhiên trong dải liên tục của dòng vốn, bắt đầu với việc đầu tư vào nghiên cứu cơ bản và hướng tới tác động đổi mới kinh tế.

Năm 2011, Bộ Tài chính Trung Quốc đã công bố dùng 125 triệu USD để thúc đẩy ứng dụng các kết quả NC&PT của Trung Quốc vào khu vực thương mại. Các mục tiêu hướng tới là đẩy nhanh việc chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, thúc đẩy đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và tăng cường tốc độ cải cách kinh tế. Nguồn vốn này dự kiến sẽ phân bổ trực tiếp cho các dự án trong thành phần cơ khí trọng điểm và các ngành công nghiệp phát thải ít cacbon, thân thiện với môi trường trong năm 2012. Trợ cấp trung bình cho mỗi dự án khoảng 1,2 triệu USD, tăng khoảng 20% so với năm 2011. Trợ cấp tối đa có thể lên tới 7 triệu USD.

Báo cáo gần đây của CAS lưu ý rằng cải cách hệ thống vốn dành cho nghiên cứu là rất quan trọng đối với việc tăng cường đổi mới tại Trung Quốc. Theo Ủy viên hội đồng nhà nước Liu Yandong, cần cải cách quản lý các dự án nghiên cứu từ dòng vốn của Chính phủ. Cải cách, đổi mới và hợp tác là chìa khóa cho hoạt động khoa học và công nghệ của Trung Quốc trong 5 năm tới, khi Chính phủ sẽ tăng nguồn vốn cho nghiên cứu trong các ngành công nghiệp chiến lược mới bao gồm năng lượng mới, sinh y học, và sản xuất cao cấp. Chi tiêu chính phủ cho khoa học và công nghệ đã tăng khoảng 20% hàng năm. Tuy nhiên, ngoài con số gia tăng lớn này, một số nhà nghiên cứu còn phàn nàn về các vấn đề tồn tại trong hệ thống tài trợ làm cản trở sự đổi mới và tiến bộ. Thiếu linh hoạt trong quản lý vốn chính phủ khiến các nhà nghiên cứu thiếu tự do trong việc thay đổi dự án của họ nhằm thích ứng với sự phát triển của lĩnh vực nghiên cứu. Sự thành công trong những nỗ lực thương mại hóa công nghệ cao của Trung Quốc được minh chứng bằng sự phát triển liên tục của công ty Huawei Technologies, nhà sản xuất thiết bị cơ sở hạ tầng di động lớn thứ ba thế giới và là nhà sản xuất thiết bị viễn thông lớn thứ năm trên thế giới hiện nay. Với hỗ trợ đáng kể của Chính phủ, chi phí sản xuất thấp, đầu tư NC&PT mạnh, Huawei đã xây dựng được cơ sở hạ tầng trên toàn cầu, bao gồm hơn 30.000 nhân viên NC&PT; các trung tâm NC&PT tại



Dallas, Bangalore, Matxcova, Stockholm và thành lập được hai liên doanh với Symantec và Siemens. Các nhà sản xuất khác của Trung Quốc đang theo sát Huawei. Các hãng này cũng muốn phát triển năng lực của mình trên toàn cầu.

## **2.6. NC&PT ở châu Âu vẫn giữ nhịp độ tăng trưởng**

Liên minh châu Âu (EU), cùng với Hoa Kỳ và châu Á là các trung tâm NC&PT của thế giới, gồm 27 quốc gia và 3 nước ứng cử viên là Croatia, Macedonia và Thổ Nhĩ Kỳ). EU và 11 các quốc gia khác tham gia vào Chương trình khung lần thứ 7 (FP7) về NC&PT công nghệ của Ủy ban châu Âu (EC) được triển khai từ 2007-2013 với khoản ngân sách khoảng 10 tỷ USD mỗi năm. Thành công của các chương trình nghiên cứu này sẽ là động lực để tăng nguồn tài trợ lên khoảng 15 tỷ USD mỗi năm cho FP8 hoạt động từ năm 2014-2020 và kế hoạch của FP 8 cũng đang được lập.

EU hy vọng FP8 sẽ làm tăng GDP hàng năm của khu vực lên hơn 100 tỷ USD và tạo khoảng 175.000 việc làm ngắn hạn và gần 450.000 việc làm dài hạn, trong khi vẫn duy trì tốc độ hoạt động nghiên cứu ở Hoa Kỳ và Trung Quốc. FP ra đời vào năm 1984 để tài trợ cho nghiên cứu ở châu Âu, mỗi FP lại có quy mô lớn hơn và bao quát hơn so với các FP trước đó.

### *Các chương trình NC&PT*

Vào mùa Hè năm ngoái, gói tài trợ cho NC&PT lớn nhất của EU gồm gần 10 tỷ USD trợ cấp của FP7 đã được trao cho khoảng 16.000 đối tượng tiếp nhận đặc biệt chú trọng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nhìn chung, EU đã thành công với các chương trình nghiên cứu với Cơ quan Vũ trụ châu Âu, Phòng thí nghiệm Vật Lý Hạt châu Âu (CERN), Phòng thí nghiệm Sinh học phân tử châu Âu và Quỹ khoa học châu Âu.

Ngay cả khi chính EU bị đe dọa bởi các điều kiện kinh tế suy yếu trên toàn cầu và trong một số nước thành viên, tình trạng lộn xộn dường như không ảnh hưởng đến việc tài trợ cho NC&PT. Mặc dù EU có tỷ lệ đầu tư cho NC&PT ở mức nhỏ nhất trong các khu vực “bộ 3 trung tâm NC&PT” của thế giới, nhưng lại có tỷ lệ cao nhất trong số 40 nước chi tiêu nhiều nhất cho NC&PT. Thậm chí các nước EU bị áp lực kinh tế hoặc được EU tài trợ lại là thành viên của 40 nước đứng đầu (Ailen, Hy Lạp, Bồ Đào Nha và Italia). Cường độ nghiên cứu trong EU có sự thay đổi lớn từ tổng chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển chiếm 0,5% GDP (Bungari, Slovakia, và Síp) lên 3,5% (Phần Lan) và 3,64% (Thụy Điển).

Cơ cấu tài trợ và hiệu suất NC&PT của châu Âu khác với Hoa Kỳ. Tùy theo mức độ xã hội hóa tại các khu vực khác nhau của châu Âu, khoảng 36% tổng số tài trợ cho NC&PT đến từ các nguồn chính phủ, dao động từ 22% đến từ tài trợ chính phủ ở Thụy Sĩ (nơi 70% nguồn tài trợ đến từ khu vực công nghiệp) đến 62% ở Rumani (với 33% tài trợ đến từ khu vực công nghiệp). Hiệu suất NC&PT trong các phòng thí nghiệm của chính phủ cũng thay đổi rất nhiều từ 2% ở Thụy Sĩ đến 36% tại Ba Lan. Mặc dù hầu hết hoạt động NC&PT ở châu Âu được thực hiện tại các phòng thí nghiệm công nghiệp, nhưng tỷ lệ này cũng thay đổi, từ chỉ có 24% ở Thổ Nhĩ Kỳ, nơi gần 70% được thực hiện trong viện hàn lâm cho đến 74% ở cả Thụy Điển và Thụy Sĩ.

Phù hợp với xu hướng hợp tác quốc tế, EU đang mở rộng hợp tác với châu Á với hơn 30 thỏa thuận NC&PT quan trọng hiện nay với Trung Quốc và hơn 200 dự án NC&PT mỗi năm. Kế hoạch Hợp tác về KH&CN giữa Trung Quốc và EU (CESTYS) đã được ký kết ở Praha năm 2009 nhằm tạo nền tảng cho các dự án nghiên cứu đồng tài trợ. Các thỏa thuận khác giữa Trung Quốc-EU bao gồm các chương trình hợp tác phát triển năng lượng với Bộ KH&CN Trung Quốc (MOST) và các chương trình nghiên cứu về công nghệ thông tin, khoa học sự sống, vật liệu và khoa học địa lý. Các hội nghị thượng đỉnh chiến lược giữa Trung Quốc-EU về các chủ đề khác nhau được tổ chức mỗi năm vài lần. EU cũng đã ký kết nhiều thỏa thuận KH&CN với Nga. Tất cả các mối quan hệ này được thực hiện để tăng cường hợp tác liên quốc gia và tạo điều kiện thuận lợi cho “dòng chảy hai chiều” là các sinh viên và nhà khoa học.

Năm 2000, các nhà lãnh đạo EU đã đặt mục tiêu đầu tư NC&PT chiếm 3% GDP trong các nước EU vào năm 2010. Mặc dù mục tiêu này liên tục được tập trung thực hiện trong nhiều năm, nhưng rõ ràng mục tiêu không đạt được. Thật vậy, tỷ lệ đầu tư thực tế năm 2010 chỉ đạt 1,91%.

FP thành công và phát triển cùng với các sáng kiến công nghệ chung (JTI) của nghiên cứu phối hợp công nghiệp - đại học đã tạo sự khởi đầu cho các chương trình nghiên cứu lớn và nhỏ. Nghiên cứu ban đầu của JTI liên quan đến các chương trình y tế, máy tính, năng lượng, môi trường và vật liệu.

## **2.7. NC&PT trong các ngành công nghiệp then chốt (khoa học sự sống, ICT, cơ khí, năng lượng, quốc phòng, hóa chất/vật liệu)**

Trong phần này sẽ đề cập đến NC&PT trong một số lĩnh vực then chốt có hàm lượng công nghệ cao và có tầm quan trọng liên quan đến NC&PT của các tập đoàn Hoa Kỳ, NC&PT của Chính phủ liên bang Hoa Kỳ và NC&PT công nghiệp toàn cầu.

### ***NC&PT trong lĩnh vực chế tạo***

Hoa Kỳ là nước có các tập đoàn hàng đầu trong đầu tư cho NC&PT, như General Atomics và Chrysler Group, LLC. Với 18 tập đoàn của Hoa Kỳ nằm trong top 50 tập đoàn lớn chi tiêu nhiều nhất cho NC&PT, Hoa Kỳ vẫn là nước đi đầu về NC&PT trong lĩnh vực chế tạo. Tuy nhiên, nếu xét về tổng đầu ra của lĩnh vực chế tạo thì Trung Quốc vượt Hoa Kỳ. Xét về triển vọng đầu tư NC&PT trong lĩnh vực chế tạo, Hoa Kỳ vẫn dẫn đầu, nhưng Trung Quốc đang có nhiều nỗ lực để bắt kịp Hoa Kỳ.

Theo Điều tra của Battelle, R&D Magazine, phần lớn các công ty hoạt động trong lĩnh vực chế tạo cho rằng cách mà Chính phủ nên hỗ trợ NC&PT trong lĩnh vực chế tạo là cung cấp tín dụng thuế/các ưu đãi cho công ty có các chương trình NC&PT trong lĩnh vực chế tạo (Xem Bảng 16)

*Bảng 16 : Chính phủ nên hỗ trợ NC&PT trong lĩnh vực chế tạo như thế nào ?*

	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp được điều tra lựa chọn</b>
Cung cấp tín dụng thuế/các ưu đãi cho các công ty có chương trình NC&PT trong lĩnh vực chế tạo	67%

Hỗ trợ NC&PT trong lĩnh vực chế tạo của khu vực đại học	46%
Tăng cường hỗ trợ chuyển giao công nghệ từ các phòng thí nghiệm của Hoa Kỳ sang ngành công nghiệp	39%
Tạo ra các chương NC&PT chế tạo trong các phòng thí nghiệm quốc gia Hoa Kỳ	36%
Tạo ra một chương trình “Thách thức” chế tạo	28%
Tăng thuế đối với các sản phẩm chế tạo của nước ngoài	25%
Không cần hỗ trợ	6%

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

### ***NC&PT trong lĩnh vực khoa học sự sống***

Trong lĩnh vực này, nhiều công ty hoạt động đa dạng như các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia, các công ty sản xuất thiết bị y tế, các công ty công nghệ sinh học, chăm sóc sức khỏe, sinh học nông nghiệp. 8 trong tổng số 10 công ty hàng đầu của Hoa Kỳ đầu tư cho NC&PT trong lĩnh vực khoa học sự sống hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm sinh học, 2 công ty khác là Medtronics (hoạt động trong lĩnh vực thiết bị y tế) và Monsanto (trong lĩnh vực sinh học nông nghiệp). Trong các nhà sản xuất thiết bị y tế, hoạt động NC&PT được tiến hành chủ yếu ở Hoa Kỳ, còn hoạt động sản xuất thiết bị lại được chuyển sang các nước có chi phí thấp hơn.

*Bảng 17: Chi tiêu cho NC&PT trong lĩnh vực khoa học sự sống (tỷ USD)*

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
<b>Hoa Kỳ</b>	70,17	78,06	77,58	73,19
<b>Thế giới</b>	139,76	151,09	150,53	147,29

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

*Bảng 18: Phát triển công nghệ then chốt trong khoa học sự sống đến năm 2014*

<b>Các lĩnh vực công nghệ được tập trung đầu tư phát triển</b>	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp được điều tra lựa chọn</b>
Các ứng dụng tế bào gốc	54%
Phát hiện và điều trị bệnh	44%
Biến đổi gen trong nông nghiệp	34%
Chỉ dấu sinh học	33%
Phẫu thuật cấy ghép	29%
Dược phẩm	28%

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

### ***NC&PT trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT)***

Trong 20 năm qua, CNTT-TT là lĩnh vực đổi mới sáng tạo then chốt và làm thay đổi sâu sắc đời sống xã hội trên toàn thế giới. Một trong những đặc điểm của đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực này là diễn ra nhanh, với vòng đời sản phẩm ngắn (trường hợp sản phẩm của các hãng sản xuất điện thoại di động lớn như Apple, Nokia...). Những tập đoàn hàng đầu thế giới về đầu tư cho NC&PT năm 2010 trong lĩnh vực CNTT-TT đều là các tập đoàn của Hoa Kỳ, như Microsoft (đầu tư gần 10 tỷ USD cho NC&PT) và Intel (6,57 tỷ USD), Cisco Systems (5,7 tỷ USD), Oracle (4,1 tỷ USD), Google (3,7 tỷ USD)...

*Bảng 19: Chi tiêu cho NC&PT trong lĩnh vực CNTT-TT (tỷ USD)*

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
<b>Hoa Kỳ</b>	110,25	118,85	126,34	138
<b>Thế giới</b>	202,76	220,18	229,11	238,45

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

Đơn vị Tình báo Kinh tế (EIU) khẳng định Hoa Kỳ vẫn là nước cạnh tranh nhất về CNTT-TT, nhưng cũng cảnh báo các nước đang phát triển đang nỗ lực thu hẹp khoảng cách. Hoa Kỳ cũng là nước đầu tư lớn nhất và có nguồn nhân lực mạnh nhất trong NC&PT CNTT-TT. Chỉ tính riêng Hoa Kỳ và Nhật Bản cũng đã chiếm 70% tổng đầu tư NC&PT trong lĩnh vực CNTT-TT toàn cầu. Trung Quốc chỉ có duy nhất công ty Huawei Technologies nằm trong top 30 công ty đầu tư lớn nhất vào NC&PT CNTT-TT.

Về đầu tư cho NC&PT CNTT-TT, đáng chú ý là NC&PT công nghệ điện toán đám mây. Với mức đầu tư 9 tỷ USD cho NC&PT điện toán đám mây, Microsoft vẫn là người đi đầu, tiếp đến là Samsung (hơn 1 tỷ USD). Các công nghệ đáng chú ý khác được đầu tư là truyền thông không dây, hệ thống thu năng lượng, tạo năng lượng, cảm biến/dò điện tử, điện tử-sinh học, mạng cảm biến điều khiển từ xa, công nghệ mạng.

### ***NC&PT trong lĩnh vực hàng không vũ trụ/quốc phòng/an ninh quốc gia***

NC&PT trong lĩnh vực hàng không vũ trụ, quốc phòng và an ninh quốc gia tiếp tục chứng kiến sự thống trị của Hoa Kỳ. Đây cũng là lĩnh vực chiếm tỷ trọng khá lớn về chi tiêu cho NC&PT toàn cầu. Chi tiêu cho NC&PT của Hoa Kỳ trong lĩnh vực này dự kiến đạt 13,81 tỷ USD năm 2012.

*Bảng 20 : Chi tiêu cho NC&PT trong lĩnh vực hàng không vũ trụ, quốc phòng và an ninh quốc gia (tỷ USD)*

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
<b>Hoa Kỳ</b>	11,56	12,32	13,05	13,81
<b>Thế giới</b>	24,27	24,84	25,67	26,16

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

## ***NC&PT trong lĩnh vực năng lượng***

### ***NC&PT năng lượng của Hoa Kỳ***

NC&PT trong lĩnh vực năng lượng bao gồm tổng thể một danh mục đầu tư mở rộng dành cho công nghệ, bao gồm công nghệ hóa thạch, công nghệ hạt nhân, và công nghệ tái tạo; lưới điện thông minh hoặc những phương thức truyền tải và phân phối điện khác, và công nghệ tiết kiệm năng lượng. Kinh phí dành cho các công trình nghiên cứu về năng lượng của Hoa Kỳ sẽ lên đến gần 6,7 tỷ USD vào 2012. Con số này vẫn nhỏ hơn rất nhiều lần so với đầu tư trong các lĩnh vực mới khác của toàn bộ nền kinh tế, và là không đáng kể nếu đem so sánh với vai trò quan trọng của năng lượng trong GDP và an ninh quốc gia Hoa Kỳ. Mặc dù vậy, đầu tư NC&PT trong lĩnh vực năng lượng vẫn đang tăng dần và sẽ tiếp tục tăng mạnh nhờ tác động của các yếu tố ngoại cảnh gồm chính sách liên bang và đầu tư vào năng lượng, cung và cầu trên thị trường năng lượng toàn cầu, và phát triển công nghệ.

Nghiên cứu liên bang, tài chính, quy định và chính sách năng lượng có ảnh hưởng tương đối lên NC&PT trong lĩnh vực năng lượng công nghiệp. Tháng 9/2011, Bộ Năng lượng Hoa Kỳ (DOE) đã công bố một báo cáo khái quát về kinh phí dành cho NC&PT trong lĩnh vực năng lượng. Báo cáo có tên “Quadrennial Technology Review” này là một bản kế hoạch chi tiết về phương hướng và tương lai của NC&PT trong lĩnh vực năng lượng của Hoa Kỳ. Báo cáo xác định 6 lĩnh vực NC&PT chìa khóa chính, trong đó chương trình và đầu tư của Bộ Năng lượng giữ vai trò phát triển quan trọng, bao gồm cả một số chương trình của Bộ vốn chưa được đầu tư đầy đủ trước đó. Sáu lĩnh vực này đều hướng về vấn đề cung – cầu năng lượng và liên quan đến cả năng lượng tĩnh tại (triển khai năng lượng sạch, hiện đại hóa lưới điện và tăng hiệu suất xây dựng/công nghiệp) và truyền tải năng lượng (triển khai nhiên liệu hydrocacbon thay thế, điện khí hóa phương tiện giao thông, và tăng hiệu suất của phương tiện). Bản báo cáo còn kêu gọi Bộ Năng lượng “duy trì một tổ hợp phân tích, đánh giá, và năng lực nghiên cứu kỹ thuật nền tảng trong nhóm lĩnh vực công nghệ - năng lượng mở rộng”, đồng thời nỗ lực “cân bằng các hoạt động được đảm bảo để tránh rủi ro trong công tác truyền tải”. Báo cáo cũng ghi chú rằng những nỗ lực trên đây phải phù hợp với khu vực tư nhân.

Dựa trên dữ liệu trong tạp chí Electric Light & Power và các dữ liệu sẵn có, có thể ước tính được đầu tư mới đây dành cho hạ tầng điện vào khoảng 1,5% - 2% trên tổng thu nhập ròng của các hoạt động NC&PT ở Hoa Kỳ. Áp dụng mức đầu tư này vào dữ liệu thu nhập ròng của công nghiệp năm 2009 (dữ liệu mới nhất của Cơ quan quản lý Thông tin Năng lượng), thì con số ước tính đầu tư NC&PT dành cho hạ tầng điện năng vào khoảng 478 - 701 triệu USD. Với tổng ngân sách 279 triệu USD, theo Danh mục đầu tư Nghiên cứu hàng năm, Viện Nghiên cứu Điện lực Hoa Kỳ chiếm thị phần tương đối lớn trong tổng số NC&PT dành cho công nghiệp năng lượng. Viện cũng đồng thời thiết lập quan hệ đối tác với Cơ quan quản lý các Dự án Nghiên cứu Cải tiến Năng lượng thuộc Bộ Năng lượng Hoa Kỳ để cung cấp những trang thiết bị tối tân nhất cho công việc truyền tải và phân chia nghiên cứu cùng với các thành phần thử nghiệm của thiết bị điện tử/lưới điện thông minh.

Về NC&PT năng lượng tái tạo trong Khối tư nhân, trong bảng liệt kê các công ty dẫn đầu của Hoa Kỳ, GE Energy Infrastructure là công ty đứng đầu về NC&PT liên quan đến

năng lượng. Với số đầu tư đáng kể vào công nghệ năng lượng gió và mặt trời, GE cũng là công ty dẫn đầu về đầu tư dành cho các công nghệ năng lượng tái tạo trong khối tư nhân.

*Bảng 21: Chi tiêu cho NC&PT trong lĩnh vực năng lượng (tỷ USD)*

	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
<b>Hoa Kỳ</b>	4,28	4,61	5,41	6,66
<b>Thế giới</b>	13,82	15,04	16,57	17,87

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

### ***NC&PT trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu tiên tiến***

Việc phát triển các vật liệu mới và tiên tiến thường là động lực cho phát triển các ngành công nghiệp khác, như công nghiệp bán dẫn, composite, thiết bị y tế, các hệ thống năng lượng... NC&PT trong lĩnh vực vật liệu thường gắn với phát triển các đặc tính mới, năng lực xử lý mới và các hợp hóa chất mới có thể dẫn tới việc tạo ra một ngành công nghiệp mới. Việc NC&PT vật liệu và hóa chất mới cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc thay thế các nguyên vật liệu truyền thống đã gần cạn kiệt hoặc bị hạn chế khai thác, như trường hợp gần đây của Trung Quốc hạn chế hoặc cấm khai thác một số nguyên liệu và kim loại quý, đặc biệt là đất hiếm. Được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như: quốc phòng, hàng không vũ trụ, điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp hạt nhân, năng lượng mới... Nó là tài nguyên chiến lược quý và không thể tái sinh. Nếu không có các nguyên tố đất hiếm, rất nhiều công nghệ hiện đại và các ứng dụng sẽ không thể thực hiện được.

Với trữ lượng đất hiếm lớn nhất thế giới, Trung Quốc hiện kiểm soát 97% sản lượng đất hiếm của thế giới và cũng là nơi diễn ra phần lớn các hoạt động chế biến quặng đất hiếm. Điều này khiến cho các nước từ lâu phụ thuộc vào nguồn cung đất hiếm của Trung Quốc, như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và các nước EU rất lo ngại. Hệ quả của chính sách về đất hiếm của Trung Quốc mới đây đã khiến giá đất hiếm tăng mạnh và nhiều nước đã bắt đầu các kế hoạch tái khởi động hoặc mở rộng các mỏ đất hiếm của mình như Hoa Kỳ và Ôxtrâyliya, trong khi một số nước không có tài nguyên này như Nhật Bản lại tìm cách đa dạng hoá nguồn cung ngoài Trung Quốc.

Nhiều chương trình NC&PT, chủ yếu của Bộ Năng lượng Hoa Kỳ, đã tập trung vào đổi mới công nghệ khai thác, chế biến đất hiếm. Các chương trình này có phạm vi bao quát rộng, từ nghiên cứu cơ bản tới phát triển công nghệ quy mô lớn. Chẳng hạn năm 2010, Bộ Năng lượng Hoa Kỳ đã cấp 15 triệu USD cho nghiên cứu về các chất thay thế kim loại đất hiếm phục vụ cho chế tạo nam châm. Bộ này cũng đã chi 35 triệu USD cho phát triển công nghệ pin thế hệ kế tiếp không cần sử dụng đất hiếm. EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâyliya và Canada cũng đã đẩy mạnh các chương trình NC&PT liên quan đến đất hiếm.

Theo Viện Battelle và Tạp chí R&D Magazine, các lĩnh vực công nghệ vật liệu quan trọng nhất từ nay đến 2014 theo thứ tự là: vật liệu nano, composite, quang điện, vật liệu sinh học, màng mỏng và quy trình hiệu quả năng lượng, polime/nhựa, gốm, bán dẫn. Năm tài

khoa 2012, Chính phủ Hoa Kỳ dự định đầu tư 2,13 tỷ USD (được phân bổ cho các Bộ) cho công nghệ nano.

*Bảng 22: Chi tiêu cho NC&PT lĩnh vực hóa chất và vật liệu tiên tiến (tỷ USD)*

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
<b>Hoa Kỳ</b>	7,09	7,76	8,33	9,28
<b>Thế giới</b>	29,66	31,28	32,59	33,84

*Nguồn : Battelle, R&D Magazine*

## **KẾT LUẬN**

Năm 2012, kinh tế khu vực đồng Euro gần như chắc chắn sẽ rơi vào suy thoái. Mặc dù mức độ sâu rộng của suy thoái chưa thể dự báo chính xác, những việc khan hiếm tín dụng, những khó khăn nợ công, tình trạng thiếu sức cạnh tranh và chính sách tài chính khắc khổ tại nhiều nước báo trước một sự suy giảm nghiêm trọng của kinh tế thế giới. Đó là chưa kể sự bất bình đẳng gia tăng đang châm ngòi cho các cuộc biểu tình khắp nơi trên thế giới, sự bất ổn xã hội và chính trị có thể trở thành một nguy cơ nữa cho hoạt động kinh tế.

Nhân loại đang bước vào một năm mới trong bối cảnh "các đám mây đen" nguy hiểm đang tích tụ trên bầu trời kinh tế thế giới. Nếu không phối hợp chặt chẽ, thiện chí, căn bệnh nợ công tồi tệ ở châu Âu cùng với những biến động trên thị trường tài chính toàn cầu sẽ tiếp tục tạo ra những nguy cơ tiềm tàng đối với tất cả các nền kinh tế, đe dọa quá trình phục hồi. Khi các chính phủ ngày càng khó thực thi việc phối hợp chính sách quốc tế do sự xung đột về quan điểm, mục tiêu và lợi ích của các nền kinh tế, thì việc phục hồi và đạt được tốc độ tăng trưởng lạc quan hơn là một điều vô cùng khó khăn đối với nền kinh tế toàn cầu trong năm 2012.

Mặc dù sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức lâu dài đối với kinh tế toàn cầu, nhưng đầu tư cho NC&PT, đổi mới sáng tạo sẽ vẫn tiếp tục tăng trưởng trong năm 2012. Điều đó cho thấy tầm quan trọng ngày càng tăng của NC&PT, khoa học và công nghệ, bởi chỉ có nó mới có thể sẽ giúp cho nền kinh tế của mỗi quốc gia cũng như kinh tế toàn cầu tăng trưởng ổn định và bền vững trong tương lai.

Năm 2012 cũng vẫn sẽ cho thấy tầm quan trọng ngày càng tăng của hợp tác NC&PT trong mọi phạm vi, từ quốc gia, khu vực, đến toàn cầu. Từ những cơ chế hợp tác mới cho đổi mới mở trong khoa học sự sống, tới hợp tác đa quốc gia như thử nghiệm năng lượng nhiệt hạch ITER, rõ ràng hợp tác đã trở thành chiến lược hàng đầu đối với các dự án lớn về khoa học và công nghệ.

Xu thế toàn cầu hóa NC&PT vẫn mạnh mẽ, các tổ chức công nghiệp trên toàn thế giới đang chuyển dịch hoạt động NC&PT của mình và xây dựng các cơ sở NC&PT mới bên ngoài lãnh thổ. Nói cách khác, thế giới đang chứng kiến xu hướng dịch chuyển năng lực đầu tư, nghiên cứu và thương mại hóa tới những nơi tối ưu nhất, ở đó có những nước cam kết NC&PT như là một chiến lược quốc gia để ưu tiên đầu tư cho nó một cách mạnh mẽ và lâu dài, như Trung Quốc, nước đang đầu tư cho NC&PT lớn thứ hai thế giới. Với hơn 400 tỷ USD đầu tư cho NC&PT mỗi năm, nước Hoa Kỳ đã cho thấy họ tiếp tục cam kết và theo đuổi đổi mới sáng tạo như là một “chất xúc tác” chính cho tăng trưởng và thịnh vượng.

**Biên soạn: Phùng Anh Tiến**

**Nguyễn Hồng Minh**

**Nguyễn Phương Dung**

**Đỗ Phương Nhung**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Dự cảm kinh tế thế giới 2012, Thời báo Kinh tế Việt Nam, 1/2012;*
2. *World Economic Outlook (Update), 1/2012, International Monetary Fund (IMF)*
3. *World Economic Outlook, 9/2011, International Monetary Fund (IMF) ;*
4. *Global Economic Prospects, Volume 3,| 6/2011, The World Bank;*
5. *Global Economic Prospects, Volume 4,| 1/2012, The World Bank;*
6. *The global outlook in summary, 6/2011, The World Bank;*
7. *World Economic Situation and Prospects 2012, United Nations;*
8. *2012 Global R&D Forecast, 12/2011, Battelle and R&D Magazine*
9. *American Association for the Advancement of Science (www.aaas.org);*
10. *European Union Community R&D Information Service (CORDIS) cordis.europa.eu/en/home.html;*